

20 24 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

PHS Elite Trading



PHS Elite Trading

Tài Chính

Mở



14 XẾP HẠNG

5,0



TUỔI

4+

Tuổi

DANH MỤC



Tài Chính

NHÀ PHÁT



PHU HUNG

Tính Năng Mới

[Lịch sử phiên bản](#)

Phiên bản 1.0.17

1 tháng trước

Block transaction online trading with the customer still not updating ID Card (MTS-3104)

Search symbol too small (MTS-3238)

[thêm](#)

MỤC LỤC

02

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và Nhân sự	24
Tình hình đầu tư & tình hình thực hiện các dự án	26
Tình hình tài chính	26
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	30

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	10
Ngành nghề và Địa điểm kinh doanh	14
Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16
Định hướng phát triển	18
Các rủi ro	19

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SX kinh doanh	34
Tình hình tài chính	36
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	38
Kế hoạch phát triển trong tương lai	39
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	44
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	44

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	54
Ban kiểm soát	59
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	61

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	68
Báo cáo tài chính được kiểm toán	70

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	48
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty	51
Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị	51

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2024 khép lại với nhiều biến động đáng chú ý trên thế giới. Nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với những thách thức nhưng đồng thời cũng mở ra nhiều cơ hội cho các tổ chức có tầm nhìn dài hạn và sự chuẩn bị vững chắc. Trong bối cảnh đó, Chứng khoán Phú Hưng (PHS) vẫn kiên định với chiến lược phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng kỳ vọng của khách hàng và đối tác.

Năm vừa qua chứng kiến sự biến động mạnh mẽ của kinh tế toàn cầu. Các sự kiện chính trị, điều chỉnh từ các nền kinh tế lớn và thay đổi trong chính sách tiền tệ của nhiều quốc gia đã tác động đáng kể đến dòng vốn và tâm lý nhà đầu tư. Tuy nhiên, thế giới vẫn ghi nhận những bước tiến quan trọng trong lĩnh vực công nghệ và tài chính, mở ra nhiều cơ hội phát triển dài hạn.

Thị trường tài chính quốc tế phản ứng theo nhiều chiều hướng khác nhau trước những thay đổi về kinh tế và địa chính trị. Trong khi một số khu vực duy trì sự ổn định, các thị trường mới nổi gặp nhiều áp lực khi dòng vốn có xu hướng dịch chuyển. Những biến động này không chỉ đặt ra thách thức trong ngắn

hạn mà còn đòi hỏi các tổ chức tài chính phải nhanh chóng thích ứng và có chiến lược linh hoạt để nắm bắt cơ hội trong môi trường không ngừng thay đổi.

Tại Việt Nam, dù chịu ảnh hưởng từ tình hình kinh tế thế giới, nền kinh tế vẫn duy trì được sự ổn định. Chính sách điều hành linh hoạt đã giúp kinh tế tiếp tục tăng trưởng theo chiều hướng tích cực. Thị trường chứng khoán cũng có những diễn biến đáng chú ý, tiếp tục là kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế. Những chính sách mới về pháp lý, cải thiện cơ sở hạ tầng thị trường và phát triển các sản phẩm tài chính được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng trong thời gian tới.



Trước bối cảnh thị trường biến động, PHS đã chủ động triển khai các chiến lược nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa quy trình, nâng cấp hệ thống và cải thiện chất lượng dịch vụ. Những nỗ lực này đã mang lại kết quả tích cực, giúp PHS tiếp tục duy trì vị thế vững chắc và khẳng định sự tin tưởng từ khách hàng, đối tác.

Trong năm 2024, PHS cũng đã đạt được nhiều cột mốc quan trọng, ra mắt các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng thị trường. Đây không chỉ là bước tiến quan trọng thể hiện sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ PHS trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn khẳng định vai trò của công ty trong sự phát triển chung của thị trường tài chính.

Bước vào năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam dự báo sẽ có nhiều thay đổi quan trọng. Quá trình đánh giá nâng hạng thị trường và những cải tiến trong hạ tầng giao dịch sẽ là những yếu tố đáng chú ý. Những thay đổi này có thể tạo ra nhiều cơ hội đầu tư, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi các tổ chức tài chính phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để thích nghi và phát triển.

Trong bối cảnh đó, PHS tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, chú trọng vào nâng cao năng lực hoạt động, mở rộng dịch vụ và tăng cường kết nối khách hàng. Việc theo dõi sát diễn biến thị trường và kịp thời thích ứng sẽ là chìa khóa quan trọng giúp PHS duy trì sự phát triển ổn định trong thời gian tới.

Bước vào năm 2025, đây sẽ là một giai đoạn quan trọng để đánh giá, chuẩn bị và tăng tốc hướng tới

những cột mốc mới. Cơ hội và thách thức luôn song hành, nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta tận dụng và định hướng phát triển như thế nào trong một môi trường không ngừng biến đổi.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể nhân viên, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành cùng Chứng khoán Phú Hưng trong suốt chặng đường vừa qua. Chúng tôi sẽ nỗ lực tiếp tục thực hiện sứ mệnh: “Thịnh Vượng Trường Tôn – Vươn Tầm Quốc Tế” mang lại giá trị bền vững và khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường tài chính Việt Nam và trong khu vực.

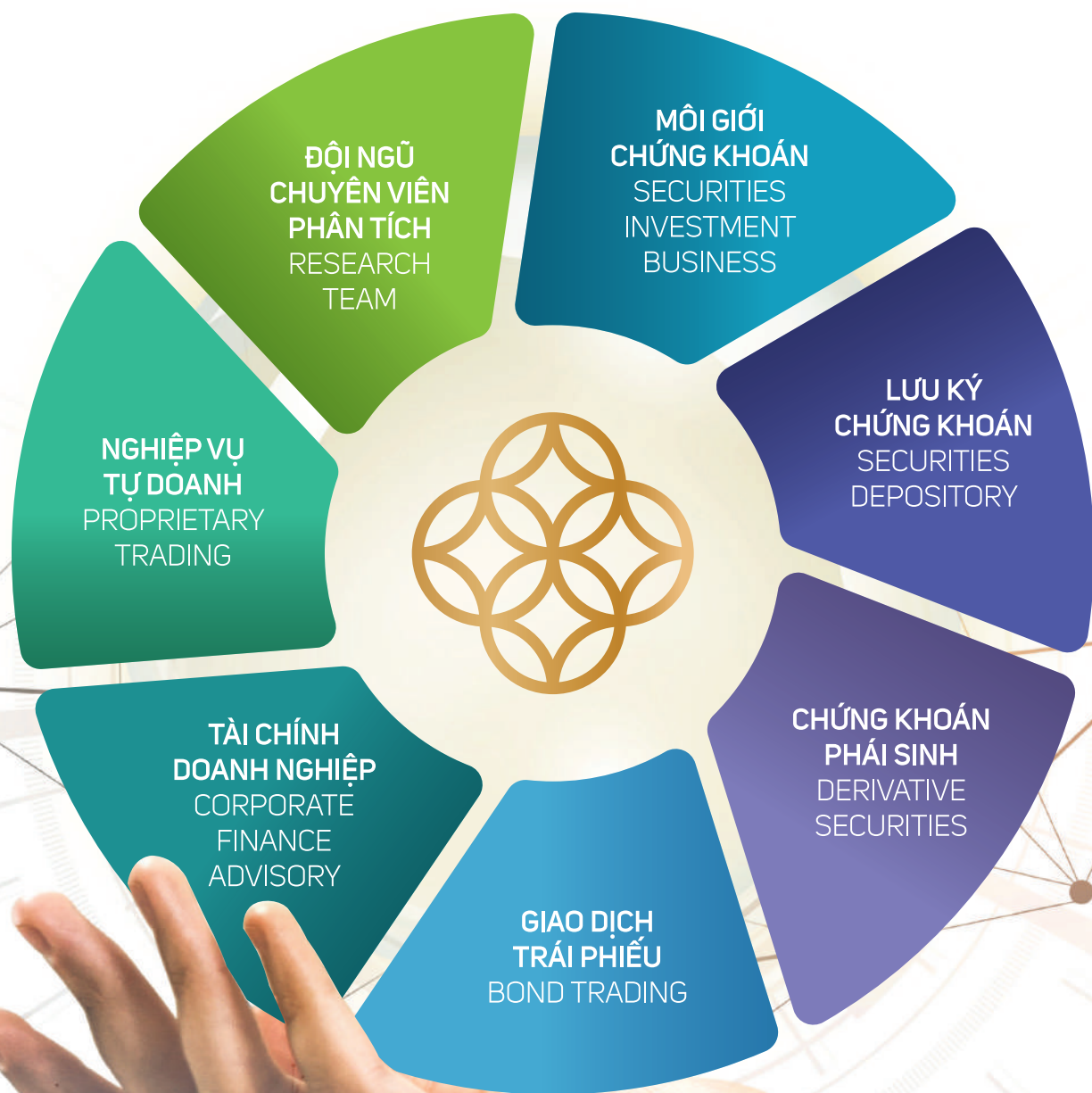
Chúng tôi luôn trân trọng sự ủng hộ của Quý vị và mong tiếp tục đồng hành trong hành trình phát triển phía trước.

Trân trọng,

Kính thư,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


ÔNG ALBERT KWANG-CHIN TING



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2024

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2023	Thay đổi 2023/2022	2024	Thay đổi 2024/2023
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu	600,268	0.9%	506,958	-15.5%
Môi giới	150,678	-20.0%	145,494	-3.4%
Đầu tư	14,328	641.0%	12,554	-12.4%
Tư vấn	-	-100.0%	33	N/A
Khác	435,261	7.8%	348,877	-19.8%
Chi phí	544,068	4.4%	506,618	-6.9%
Lợi nhuận trước thuế	56,199	-23.7%	341	-99.4%
Lợi nhuận sau thuế	44,551	-25.7%	108	-99.8%
ROE	0.03	(0.01)	0.0000661087	(0.03)
ROA	0.01	-	0.0000285795	(0.01)
TÀI SẢN				
Tổng tài sản	4,040,738	9.9%	3,931,365	-2.7%
Vốn điều lệ	1,500,098	0.0%	2,000,098	33.3%
Vốn chủ sở hữu	1,611,993	0.9%	2,067,098	28.2%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2.51		1.90	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1.51		0.90	
Tỷ lệ an toàn vốn	518%		669%	
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	297	-26%	0.70	-100%
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	150,009,329	0%	154,517,526	3%
Cổ tức / cổ phần (đồng)				



CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG



A green-tinted photograph of a city skyline, likely New York City, featuring several prominent skyscrapers. The image is used as a background for the page.

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

❖ **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)**

❖ **Giấy phép kinh doanh số:**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.

Giấy phép điều chỉnh 48/GPĐC-UBCK ngày 24/06/2021 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

❖ **Vốn điều lệ** 2.000.098.190.000 đồng

❖ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 2.067.097.810.747 đồng

❖ **Địa chỉ** Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

❖ **Số điện thoại** (84 28) 5413 5479

❖ **Số fax** (84 28) 5413 5472

❖ **Website** www.phs.vn

❖ **Email** support@phs.vn

❖ **Mã cổ phiếu** PHS

PHS Elite Trading



PHS Elite Trading

Tài Chính

Mở



14 XẾP HẠNG

5,0



TUỔI

4+

Tuổi

DANH MỤC



Tài Chính

NHÀ PHÁT



PHU HUNG

Tính Năng Mới

[Lịch sử phiên bản](#)

Phiên bản 1.0.17

1 tháng trước

Block transaction online trading with the customer still not updating ID Card (MTS-3104)

Search symbol too small (MTS-3238)

[thêm](#)

Xem Trước

PHS-Elite Trading

Elite Trading Experience



Giới thiệu



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

15/11/2006: Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng

01/12/2006: UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán

14/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

18/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

29/12/2006: Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng

05/09/2008: Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng

10/11/2008: Chuyển Trụ sở chính chuyển về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

23/01/2009: Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

28/04/2009: Tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng

12/01/2010: Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng

13/11/2012: Tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng

18/03/2014: Trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

19/11/2015: Chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành

20/01/2016: Nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK. Vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng

29/06/2016: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

25/07/2016: Tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng

23/01/2017: UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

11/01/2018: Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng

27/04/2018: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ

26/12/2018: Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng

19/07/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UpCoM

31/07/2019: Cổ phiếu PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM

04/03/2020: Tăng vốn điều lệ lên 900.000.000.000 đồng

16/06/2020: UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán Phái Sinh

24/06/2021: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

28/09/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.400.000.000.000 đồng

31/12/2021: UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 57/GCN-UBCK ngày 31/12/2021

29/04/2022: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

29/08/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.500.098.190.000 đồng

22/11/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

27/02/2023: Chứng quyền có bảo đảm của PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch

05/12/2023: Trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

24/12/2024: Tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng

Các sự kiện khác:

16/12/2016: PHS được UBCK tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc công ty.

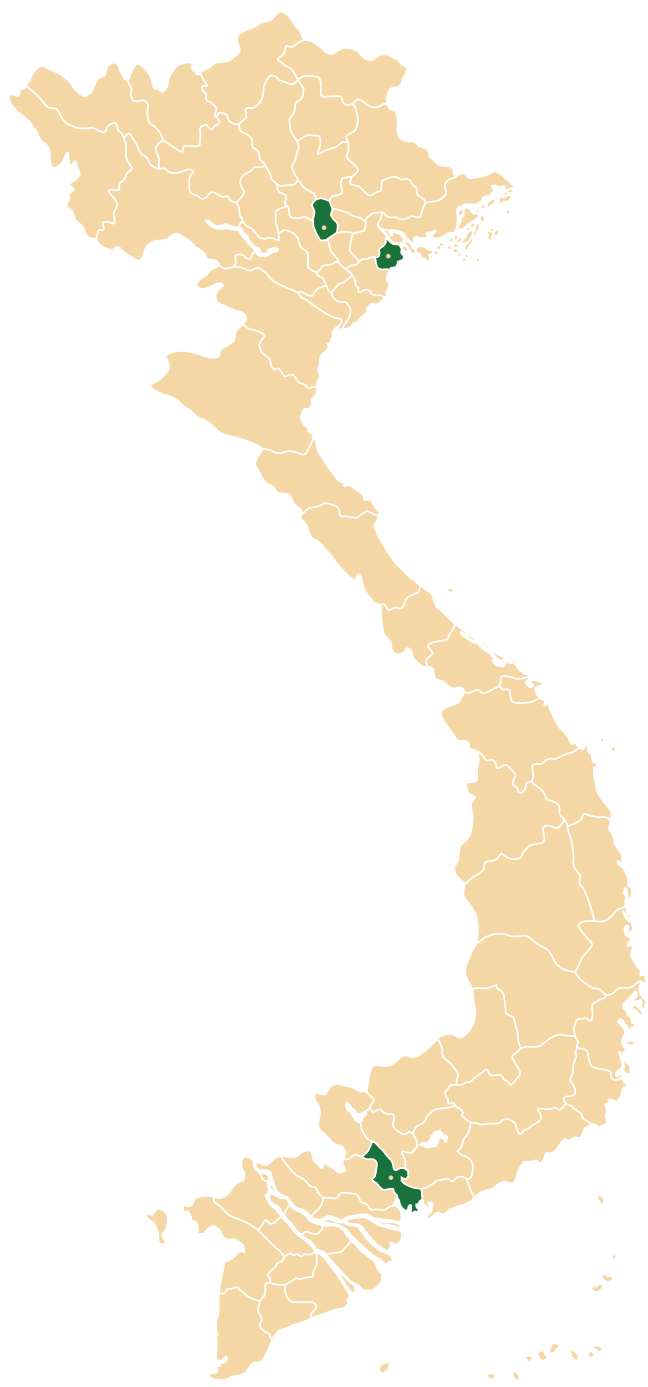
12/2016: PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc công ty.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



❖ Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Tầng trệt, CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 5413 5478

Fax: (84 28) 5413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3535 6060

Fax: (84 28) 3535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3820 8068

Fax: (84 28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3813 2401

Fax: (84 28) 3813 2415

❖ Các tỉnh/thành phố khác:

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (84 24) 3933 4566

Fax: (84 24) 3933 4820

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (84 24) 6250 9999

Fax: (84 24) 6250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà số 18 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

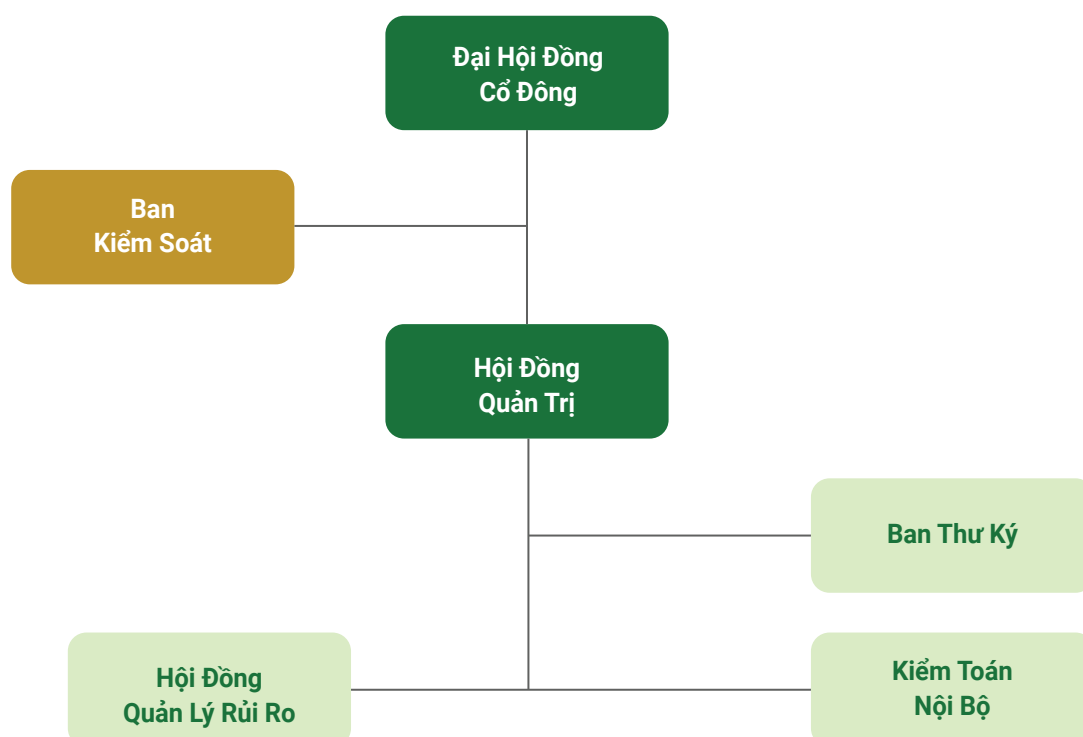
ĐT: (84 225) 384 1810

Fax: (84 225) 384 1801

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHĐCĐ bầu ra Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) để giúp các cổ đông quản lý công ty. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”) trong việc quản lý và điều hành công ty. HĐQT quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Kiểm Toán Nội Bộ và Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro trực thuộc HĐQT, Ban Thư Ký Công Ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ HĐQT.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

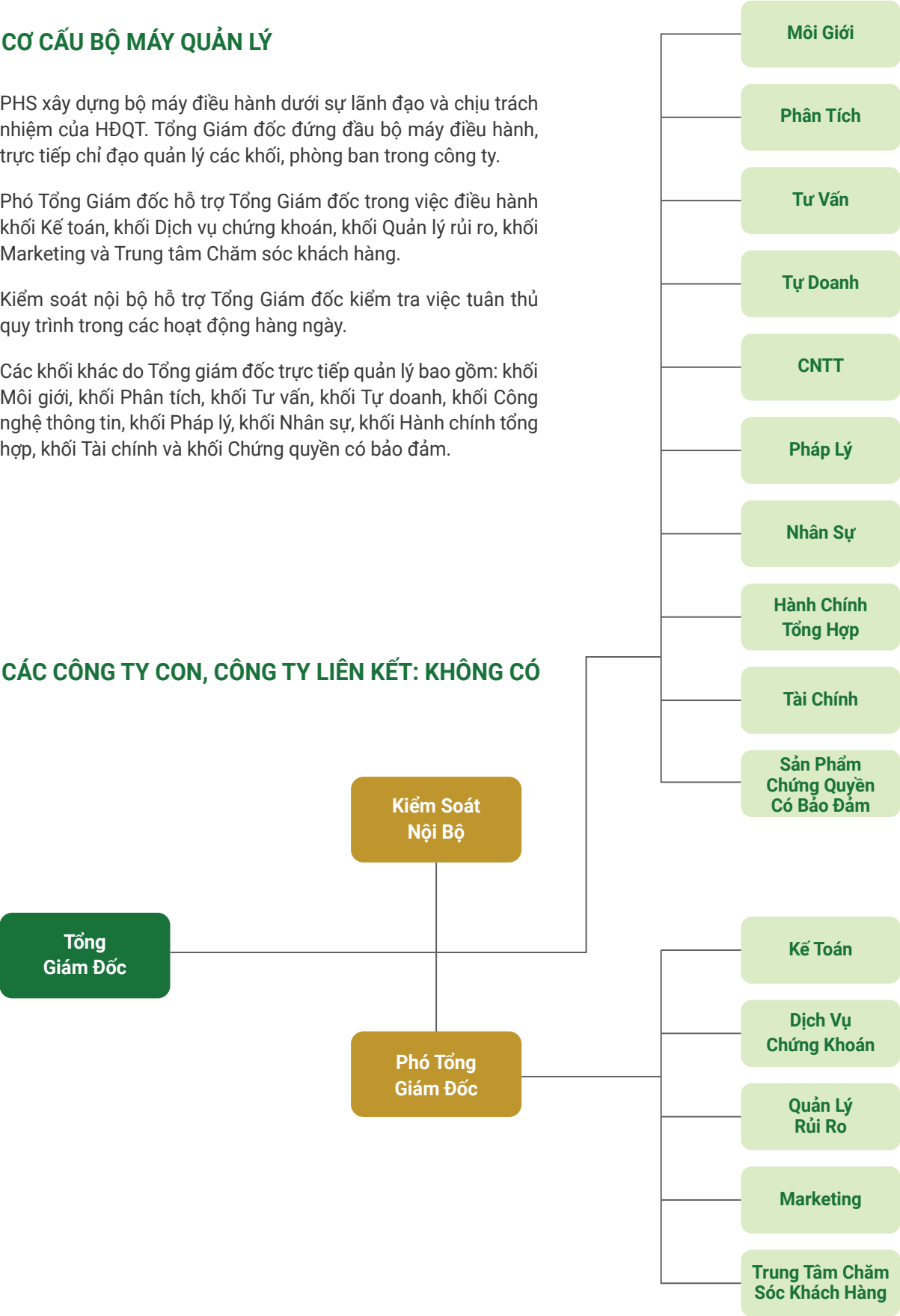
PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của HĐQT. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các khối, phòng ban trong công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Kế toán, khối Dịch vụ chứng khoán, khối Quản lý rủi ro, khối Marketing và Trung tâm Chăm sóc khách hàng.

Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

Các khối khác do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý bao gồm: khối Môi giới, khối Phân tích, khối Tư vấn, khối Tự doanh, khối Công nghệ thông tin, khối Pháp lý, khối Nhân sự, khối Hành chính tổng hợp, khối Tài chính và khối Chứng quyền có bảo đảm.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2025

PHS luôn đặt mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam với việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững thông qua chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm và đổi mới sáng tạo. PHS tận dụng sức mạnh của chuyển đổi số và các tiến bộ trong lĩnh vực fintech để mang đến những dịch vụ cá nhân hóa, chất lượng cao, đồng thời không ngừng tối ưu hóa các quy trình vận hành và nâng cao năng lực quản trị rủi ro, đảm bảo sự vững vàng trước những biến động của thị trường. Thông qua việc mở rộng danh mục sản phẩm và khai thác các phân khúc thị trường tiềm năng bằng các quan hệ hợp tác chiến lược và cơ chế quản trị linh hoạt, chúng tôi xây dựng một lộ trình phát triển toàn diện, không chỉ giải quyết thách thức hiện tại mà còn đặt nền móng vững chắc cho sự thành công dài hạn trong một bối cảnh tài chính không ngừng biến động.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Hội đồng Quản trị (HĐQT) của PHS đã hoạch định chiến lược phát triển dựa trên các dự báo kinh tế vĩ mô tích cực, kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ phục hồi vững chắc trong năm 2025 và tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Nhằm tận dụng tối đa cơ hội và ứng phó với các thách thức tiềm ẩn, PHS triển khai các giải pháp đồng bộ, bám sát định hướng chiến lược trung và dài hạn, với trọng tâm là tăng trưởng bền vững. Chúng tôi xác định rằng phát triển bền vững không chỉ là kim chỉ nam mà còn là động lực cốt lõi giúp PHS nâng cao vị thế cạnh tranh và mở rộng quy mô hoạt động trên thị trường.

Tinh thần thích ứng linh hoạt, đổi mới sáng tạo và tập trung phát triển bền vững của PHS được thể hiện rõ nét trong các sáng kiến chiến lược. Chúng tôi liên tục đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm tài chính mới và tối ưu hóa mô hình quản trị rủi ro. Đặc biệt, việc đầu tư vào công nghệ hiện đại không chỉ củng cố nền tảng vận hành mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp PHS cung cấp các giải pháp tài chính ưu việt, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. PHS không ngừng cải tiến dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng mức độ hài lòng và mở rộng thị phần. Việc phát triển danh mục sản phẩm đa dạng, tích hợp công nghệ tiên tiến giúp PHS thích ứng linh hoạt trước những biến động của thị trường, đồng thời tối ưu hóa hiệu suất kinh doanh.

Ngoài ra, cam kết phát triển bền vững của PHS còn thể hiện qua trách nhiệm với xã hội và môi trường. Chúng tôi chủ động tích hợp các yếu tố bền vững vào mọi hoạt động kinh doanh, không chỉ nhằm giảm thiểu rủi ro mà còn nâng cao uy tín của PHS với tư cách là một tổ chức có trách nhiệm, góp phần tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng và nền kinh tế.

CÁC RỦI RO

- ❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- ❖ **Rủi ro thanh toán** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- ❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- ❖ **Rủi ro hoạt động** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- ❖ **Rủi ro pháp lý** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.
- ❖ **Rủi ro môi trường và thiên tai** là rủi ro về các biến đổi về môi trường như lụt lội, cơn bão, động đất có thể gây ra các nguy cơ về mất mát vật chất và nguy cơ ngưng hoạt động của các PHS và những công ty mà PHS đang đầu tư hoặc hỗ trợ.
- ❖ **Rủi ro về dịch bệnh** là rủi ro như dịch bệnh như COVID-19 có thể gây ra những tác động kinh tế và tài chính đáng kể, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của PHS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà PHS có thể gặp phải, từ đó đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của PHS. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.





CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu thuận lợi trong giai đoạn đầu năm 2024 khi VN-Index tăng nhanh lên mức 1.284,09 điểm vào cuối tháng 3 với thanh khoản tăng vọt. Trong ba tháng đầu năm, giá trị giao dịch bình quân trên 3 sàn đạt 23.950 tỷ đồng/phiên, tăng 111% so với cùng kỳ năm 2023 cho thấy tâm lý giao dịch hưng khởi của nhà đầu tư. Tuy nhiên, sau giai đoạn tích cực ấy là quá trình thị trường chững lại. VN-Index dao động giằng co trong vùng biên độ 1.160 – 1.300 điểm trong 3 quý cuối năm.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu trên HOSE đạt hơn 5,2 triệu tỷ đồng, tăng 14,3% so với cuối năm 2023. Tính chung cả ba sàn HOSE, HNX và UPCoM, quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu đạt 7,2 triệu tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2023, tương đương khoảng 70% GDP.

Có thể thấy, dù chưa có sự bùng nổ về điểm số, nhưng quy mô thị trường và giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán trong năm 2024 đã tăng trưởng rất ấn tượng. Đáng chú ý, năm 2024, hoạt động tăng vốn diễn ra mạnh mẽ, điển hình trong ngành chứng khoán. Theo đó, khoảng 22 công ty chứng khoán đã thực hiện tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu, huy động gần 25.000 tỷ đồng nhằm củng cố tiềm lực tài chính và đón đầu cơ hội từ việc nâng hạng thị trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong những năm qua, lợi nhuận hoạt động của công ty duy trì xu hướng ổn định. Năm 2024, công ty ghi nhận lợi nhuận hoạt động đạt khoảng 340 triệu đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 108 triệu đồng. Kết quả cho thấy lợi nhuận sụt giảm so với năm 2023, chủ yếu do biến động của thị trường chứng khoán và tiền tệ.



CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

a) Hoạt động môi giới chứng khoán

Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn đầy thách thức đối với hoạt động kinh doanh của PHS. Trước áp lực cạnh tranh gay gắt và làn sóng tăng vốn từ các đối thủ cạnh tranh, công ty vẫn đạt được mức tăng trưởng khiêm tốn trong giá trị giao dịch chứng khoán cốt lõi. Đồng thời, PHS tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường giao dịch hợp đồng tương lai tại HNX.

Nhằm thúc đẩy sự tham gia mạnh mẽ hơn của nhà đầu tư vào thị trường chứng khoán, PHS đã triển khai hàng loạt chương trình khuyến mại hàng tháng trong năm 2024, hướng đến nhiều phân khúc khách hàng khác nhau, bao gồm nhà đầu tư hiện tại, nhà đầu tư mới và đối tác giới thiệu. Những sáng kiến này đã thành công thu hút một lượng lớn khách hàng mới, góp phần củng cố chiến lược tăng trưởng và mở rộng thị phần của công ty. Bên cạnh đó, PHS không ngừng đa dạng hóa danh mục sản phẩm tài chính với lãi suất cạnh tranh và điều khoản linh hoạt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng—một chiến lược được thị trường đón nhận tích cực.

Trước những rủi ro gia tăng về an ninh mạng, đặc biệt là các cuộc tấn công nhắm vào ngành tài chính và các lĩnh vực liên quan, PHS đã triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho nhân viên. Trong năm 2024, trong quá trình phát triển và ra mắt nền tảng giao dịch chứng khoán di động mới, PHS đã hợp tác chặt chẽ với các đơn vị an ninh công nghệ hàng đầu tại Việt Nam để tiến hành kiểm thử hệ thống, đảm bảo xử lý hiệu quả các lỗ hổng bảo mật trước khi chính thức đưa vào vận hành. Sau khi ra mắt, nền tảng giao dịch này đã nhận được phản hồi tích cực từ nhà đầu tư, đặc biệt là thế hệ Gen Z—nhóm khách hàng đánh giá cao cách tiếp cận chủ động và hiện đại trong giao dịch chứng khoán.

b) Hoạt động tự doanh

Sau giai đoạn phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam, danh mục đầu tư của chúng tôi đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 13,8% trong năm 2024. Bằng việc theo dõi sát sao diễn biến thị trường từ cả góc độ phân tích cơ bản và kỹ thuật, đồng thời tận dụng những cơ hội tiềm năng, chúng tôi tin tưởng rằng đội ngũ Tự doanh sẽ tiếp tục xác định được nhiều cơ hội đầu tư giá trị, nâng cao hiệu suất và mang lại kết quả vượt trội hơn nữa trong tương lai.

c) Hoạt động tư vấn và phân tích

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên TTCK Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, PHS cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngành và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, các dịch vụ tư vấn liên quan đến niêm yết, phát hành, cổ phần hóa, mua bán và sáp nhập cũng như các dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng tổ chức.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH

Năm 2024, PHS không thay đổi số lượng chi nhánh và phòng giao dịch, vẫn giữ tổng cộng 7 chi nhánh và phòng giao dịch. Nhưng nâng cao chất lượng nhân sự thông qua việc tuyển dụng cũng như đào tạo. Kết quả hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và phòng giao dịch đã mang lại hiệu quả cao, từng bước khẳng định sự phát triển bền vững.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Phạm Thị Thu Nhân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2024

329 Người

Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương)

123.770.682.466 Đồng

(một trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm bảy mươi triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng)

Thu nhập bình quân

27.882.560 Đồng/ người/ tháng

(hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng)

PHS luôn tuân thủ chặt chẽ các chính sách và quy định của nhà nước, đồng thời áp dụng hệ thống chính sách nội bộ toàn diện nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của nhân viên. Các chính sách nội bộ này bao gồm nhiều khía cạnh quan trọng như chế độ lương, thưởng, phúc lợi, kỷ luật, quy định lao động, chính sách nghỉ phép và ngày lễ, bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe, chế độ ốm đau và thai sản, an toàn vệ sinh lao động, cũng như quy trình bổ nhiệm, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

Tất cả các chính sách đều được xây dựng nhằm tạo ra một môi trường làm việc công bằng, minh bạch và chuyên nghiệp, qua đó bảo vệ quyền lợi của nhân viên và cung cấp nhiều cơ hội học tập, phát triển. Bên cạnh đó, PHS cũng sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi như một công cụ khuyến khích nhân viên, nâng cao hiệu suất làm việc và thúc đẩy sự gắn bó lâu dài với công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4.040.738.369.898	3,931,365,369,257	(2.7%)
Doanh thu thuần	599.799.512.180	506,649,713,996	(15.5%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.359.359.351	172,097,248	(99.7%)
Lợi nhuận khác	(160.118.391)	168,815,334	(205.4%)
Lợi nhuận trước thuế	56.199.240.960	340,912,582	(99.4%)
Lợi nhuận sau thuế	44.550.793.002	108,063,036	(99.8%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	N/A

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.63	2.06	
- Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1.63	2.06	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.60	0.47	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.51	0.90	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.16	0.13	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.07	0.0002	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.03	0.00007	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.00003	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.09	0.0003	

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	1,500,098,190,000	2,000,098,190,000	
- Tổng tài sản có	4,040,738,369,898	3,931,365,369,257	
- Tỷ lệ an toàn vốn	518%	669%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay	41,663,374,019,454	40,982,013,855,026	
- Doanh số thu nợ	40,703,092,073,495	41,059,136,903,737	
- Nợ quá hạn	65,599,871,917	64,397,421,465	
- Nợ khó đòi	37,445,198,459	55,845,877,290	
Hệ số sử dụng vốn	2.7	3.2	
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0.02	0.02	
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0.01	0.01	
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.63	2.06	
- Khả năng thanh toán chung Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả	1.63	2.06	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2024 là 200.009.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 47.279.811 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 152.730.008 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 3 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 366 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 14 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 355 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 343 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 26 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 25/06/2024, PHS chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 3%/ cổ phiếu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu. Trong năm 2024, PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2024, PHS không phát hành chứng khoán.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty Chứng khoán Phú Hưng hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán và không trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, do đó tác động đến môi trường là ở mức hạn chế. Tuy nhiên, công ty vẫn nỗ lực thực hiện các biện pháp thân thiện với môi trường, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân viên, khuyến khích thực hành các giải pháp xanh trong công việc và hoạt động hàng ngày.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

PHS áp dụng một phương pháp quản lý nhân sự bài bản và toàn diện, nhằm xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hỗ trợ và khuyến khích sự phát triển bền vững. Công ty triển khai chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chương trình khen thưởng dựa trên hiệu suất, phù hợp với tiêu chuẩn ngành, nhằm ghi nhận và khích lệ những đóng góp nổi bật của nhân viên. Sức khỏe, an toàn và phúc lợi của nhân viên luôn được đặt lên hàng đầu thông qua các chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ, bảo hiểm y tế toàn diện dành cho nhân viên và bảo hiểm tai nạn 24/7. Ngoài ra, PHS tổ chức các chuyến du lịch thường niên cùng nhiều sáng kiến phúc lợi khác nhằm thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, đồng thời tăng cường sự gắn kết trong tập thể.

Nhằm phát triển kỹ năng và nâng cao chuyên môn cho nhân viên, PHS thiết kế các chương trình đào tạo bài bản và chuyên sâu. Công ty tài trợ cho nhân viên tham gia các chương trình MBA tại các tổ chức hàng đầu, tạo điều kiện để nhân viên tiếp cận các khóa học nâng cao về lãnh đạo và quản lý. Các chương trình đào tạo nội bộ tập trung vào những

năng lực cốt lõi như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý dự án, đàm phán và quản lý thời gian. Hệ thống quản lý học tập (LMS) liên tục được cải tiến nhằm cung cấp lộ trình đào tạo có hệ thống, thư viện tài nguyên số đa dạng, các khóa học trực tuyến tương tác về kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, cùng các chương trình đào tạo chuyên biệt và đánh giá năng lực định kỳ. PHS cũng hỗ trợ nhân viên đạt được các chứng chỉ chuyên môn quan trọng như chứng chỉ hành nghề chứng khoán, đào tạo lãnh đạo cấp cao và phát triển kỹ năng CNTT thông qua các nền tảng học tập kỹ thuật số.

Ngoài ra, đội ngũ môi giới của PHS còn được tiếp cận các chương trình đào tạo trực tuyến do các chuyên gia hàng đầu trong ngành trực tiếp hướng dẫn, giúp họ cập nhật kiến thức và phát triển chuyên môn liên tục. Những chính sách này không chỉ tạo dựng nền tảng vững chắc cho phúc lợi nhân viên, phát triển sự nghiệp và nâng cao kỹ năng mà còn góp phần thúc đẩy văn hóa xuất sắc và tinh thần học tập không ngừng trong toàn công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2024, các sáng kiến cộng đồng chính của chúng tôi bao gồm:

Lawrence S. Ting Charity Walk – Tài trợ cho nhân viên tham gia sự kiện từ thiện hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp với Ủy ban Nhân dân quận 7, quận 8, huyện Bình Chánh và huyện Nhà Bè tổ chức. Kể từ năm 2006, chương trình này đã đóng góp hỗ trợ tài chính thiết yếu cho các cộng đồng khó khăn trước thềm Tết Nguyên đán.

Quỹ phòng ngừa thiên tai – Đóng góp vào các hoạt động ứng phó và phòng chống thiên tai tại phường Tân Phú, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, giúp nâng cao khả năng phục hồi và sẵn sàng ứng phó khẩn cấp của địa phương.

Phát triển cơ sở hạ tầng cho các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ lụt – Hỗ trợ xây dựng các cây cầu tại xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, nhằm cải thiện hệ thống giao thông và khả năng tiếp cận cho người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai.

Chương trình "Thiên thần chậm bước" – Khuyến khích khách hàng quy đổi điểm thưởng thành các khoản đóng góp từ thiện, trực tiếp hỗ trợ giáo dục và phát triển cho trẻ em khuyết tật, mang lại giá trị nhân văn thiết thực.

Bên cạnh các hoạt động từ thiện, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng còn xây dựng một môi trường làm việc năng động, hiện đại và có tư duy phát triển bền vững. Thông qua các chương trình thực tập có cấu trúc và lộ trình phát triển chuyên môn bài bản, chúng tôi mang đến cho sinh viên cơ hội tiếp cận thực tế với thị trường tài chính và chứng khoán. Việc kết nối giữa kiến thức học thuật và ứng dụng thực tiễn không chỉ giúp thế hệ tương lai nắm vững chuyên môn mà còn trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết để thành công trong lĩnh vực tài chính.

Thông qua những nỗ lực này, chúng tôi tiếp tục khẳng định cam kết của mình đối với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - đảm bảo rằng tác động của PHS không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tài chính mà còn góp phần làm giàu cho cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững, có ý nghĩa lâu dài.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCK: KHÔNG CÓ



CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG





BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Trong bối cảnh thị trường đầy biến động, PHS đã thể hiện sự vững vàng trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2024 đạt 145 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2023. Bên cạnh đó, thu nhập từ cho vay ký quỹ giảm 11%, đạt 278 tỷ đồng, do tác động từ mức lãi suất thị trường thấp hơn.

Trong năm 2024, PHS đạt vị trí thứ 8 trên thị trường môi giới hợp đồng tương lai tại HNX, với thị phần 2,88%, tăng 8,3% so với cuối năm 2023. Doanh thu từ giao dịch hợp đồng tương lai cũng ghi nhận mức tăng trưởng khả quan so với năm trước.

Song song đó, PHS hợp tác chặt chẽ với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) nhằm đảm bảo hoạt động giao dịch an toàn, hiệu quả, khẳng định cam kết bảo vệ và thực thi quyền lợi của nhà đầu tư. Nhờ những nỗ lực không ngừng trong lĩnh vực này, PHS đã vinh dự nhận giải thưởng “Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh” của VSDC năm 2024, đây là một minh chứng cho hiệu suất mạnh mẽ và sự cam kết vững chắc của công ty đối với thị trường phái sinh.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Song hành cùng sự phục hồi của VN-Index, khối Tự doanh đã tập trung vào tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu dẫn đầu thuộc các ngành trọng điểm, cũng như các cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng riêng biệt và triển vọng kinh doanh đầy hứa hẹn. Bên cạnh đó, chúng tôi đã đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm tối ưu hóa hiệu suất sinh lời và kiểm soát rủi ro hiệu quả. Nhờ chiến lược linh hoạt và có chọn lọc, đến cuối năm 2024, danh mục đầu tư của chúng tôi đã ghi nhận mức tăng trưởng 13,8%, phản ánh sự thành công trong việc cân bằng giữa tối đa hóa lợi nhuận và duy trì quản trị rủi ro bền vững.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức đáng kể, với mức tăng trưởng dự báo đạt 2,7%. Mặc dù lạm phát toàn cầu đã giảm xuống 4,5%, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu của các ngân hàng trung ương do tác động từ giá năng lượng và thực phẩm hạ nhiệt cũng như các chính sách tiền tệ thắt chặt. Những biến động chính trị, bao gồm chính sách thương mại mới và các hàng rào thuế quan, đã tạo ra sự bất ổn, ảnh hưởng đến tâm lý thị trường và dòng vốn đầu tư. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị và bất ổn trong nước tiếp tục đặt ra nhiều rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu, làm gia tăng mức độ khó lường của thị trường.

Việt Nam đã triển khai nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và kích thích tiêu dùng nội địa, bao gồm cắt giảm lãi suất trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu suy giảm. Đồng thời, chính phủ đã tích cực mở rộng quan hệ thương mại thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTAs) với Trung Đông, châu Phi và Nam Mỹ, giúp Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức 7,09% và kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường chứng khoán và trái phiếu Việt Nam ghi nhận sự phục hồi ấn tượng trong năm 2024. VN-Index tăng 12,11%, đạt 1.266 điểm, với vốn hóa thị trường trên HOSE tăng 14,3%, vượt mức 5,2 triệu tỷ đồng. Những điều chỉnh trong chính sách tiền tệ và cơ chế quản lý thị trường đã góp phần nâng cao tính minh bạch và chất lượng của thị trường tài chính.

Mặc dù đối mặt với nhiều áp lực từ tình hình kinh tế toàn cầu, dẫn đến doanh thu chưa đạt kỳ vọng, khối Tư vấn đã hoàn tất kế hoạch tái cấu trúc và sẽ tập trung vào các chiến lược chính với phát triển mạng lưới khách hàng chiến lược, mở rộng tệp khách hàng tiềm năng; đa dạng hóa sản phẩm tài chính, đáp ứng nhu cầu đầu tư ngày càng tăng của thị trường; mở rộng phạm vi hoạt động, khai thác cơ hội từ cả thị trường trong nước và quốc tế.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cuối năm 2024, tổng tài sản công ty đang quản lý là 3.931.365.369.257 đồng giảm 109.373.000.641 đồng (2,7%) so với đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 3.848.310.376.508 đồng chiếm 97,9% trong tổng tài sản (đầu năm chiếm 97,9%). Tài sản dài hạn là 83.054.992.749 đồng chiếm 2,1% trên tổng tài sản (đầu năm chiếm 2,1%). Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2024 so với đầu năm không thay đổi nhiều. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,13.

Nợ xấu phải thu cuối năm 2024 là 55.845.877.290 đồng chiếm 1,42% trên tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2024, khoản nợ phải trả của công ty là 1.864.267.558.510 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 987.780.000.000 đồng chiếm 53% của tổng nợ phải trả, vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán									
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1.77	1.95	1.82	1.82	1.49	1.73	1.63	2.06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn									
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	56%	51%	54%	53%	66%	57%	60%	47%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	127%	103%	118%	115%	197%	130%	151%	90%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	11%	12%	12%	10%	15%	14%	16%	13%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời									
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	13%	21%	24%	24%	28%	10%	7%	0.02%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4%	6%	6%	5%	12%	4%	3%	0%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	2%	3%	3%	2%	3%	2%	1%	0%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	VND	537	729	679	603	1,229	400	297	0.70

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của PHS qua các năm đều lớn hơn 1 cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không thay đổi nhiều qua các năm và thấp hơn so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, số dư các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn như sau

Đơn vị: triệu đồng

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024
Cho vay	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	1,991,637	2,951,919	2,874,796
Ngắn hạn	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	1,991,637	2,951,919	2,874,796
Dài hạn	0	0	0	0	-	-	-	-
Tổng cộng	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	1,991,637	2,951,919	2,874,796

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.
Số dư các khoản thuế phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2024 như sau

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024
Thuế giá trị gia tăng	2	5	3	3	4	20	16	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3,249	4,084	5,986	3,876	3,876	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,368	1,275	1,608	3,694	12,483	10,232	7,122	7,376
Thuế nhà thầu	0	-	16	28	28	1,126	968	780
Tổng cộng	1,371	1,280	4,876	7,809	18,501	15,255	11,982	8,157

Các khoản phải thu

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	15,979	32,398	20,294	21,522	46,758	57,343	74,788	51,29
Trả trước cho người bán	434	1,151	906	1,147	1,701	1,700	7,108	1,175
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	25,888	15,727	14,855	1,586	160,061	9,824	3,964	3,774
Phải thu khác	12,802	12,936	12,909	12,927	13,103	13,006	12,787	13,809
Dự phòng các khoản phải thu	(9,470)	(9,290)	(9,326)	(9,186)	(6,315)	(7,453)	(6,894)	(8,311)
Tổng cộng	45,633	52,922	39,637	27,996	215,308	74,420	91,753	61,738

Các khoản phải trả

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024
Nợ phải trả ngắn hạn	644152.3483	766,188	906,211	1,140,360	3,160,455	2,076,800	2,426,615	1,862,167
Nợ phải trả dài hạn	340.4375	365	337	1,312	1,792	1,980	2,131	2,101
Tổng cộng	644,493	766,552	906,548	1,141,671	3,162,247	2,078,780	2,428,746	1,864,268

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2017, 2018, 2019

Chỉ tiêu	Risk/Liquid capital 12/31/2017	Risk/Liquid capital 12/31/2018	Risk/Liquid capital 12/31/2019	Risk/Liquid capital 12/31/2020	Risk/Liquid capital 12/31/2021	Risk/Liquid capital 12/31/2022	Risk/Liquid capital 12/31/2023	Risk/Liquid capital 12/31/2024
Tổng giá trị rủi ro thị trường	510	275	405	13,886	1,968	722	6,532	7,503
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	28,474	34,389	28,599	45,990	69,484	160,683	111,464	116,092
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60,000	60,000	60,000	50,000	180,000	180,000	180,000	180,000
Tổng giá trị rủi ro	88,985	94,664	89,004	109,876	251,452	341,405	297,996	303,594
Vốn khả dụng	504,606	740,875	758,447	948,638	1,540,387	1,532,038	1,543,936	2,031,479
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	567%	783%	852%	863%	613%	449%	518%	669%

Theo quy định tại thông tư Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. PHS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ✦ Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Trong năm 2024, HĐQT đã quyết định đóng cửa chi nhánh Hà Nội và hợp nhất đội ngũ tại Thanh Xuân và Hà Nội về cùng một địa điểm, nhằm cắt giảm chi phí văn phòng không cần thiết và cải thiện hiệu quả vận hành. Bên cạnh đó, cơ cấu tổ chức đã được tinh gọn, tích hợp các chức năng và nhiệm vụ giữa các bộ phận, gia tăng tính chuyên môn hóa và loại bỏ những phần chồng chéo trong hoạt động. Đồng thời, công ty tiếp tục đầu tư vào phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và tận tâm, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng dài hạn và phát triển bền vững.
- ✦ Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty luôn chú trọng nâng cấp hệ thống, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng. Để quản lý chất lượng dịch vụ hiệu quả, công ty đã triển khai thỏa thuận mức độ dịch vụ (SLAs), đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định, minh bạch và có trách nhiệm giải trình rõ ràng. Cơ chế này giúp khách hàng giảm thiểu thời gian gián đoạn dịch vụ, tăng cường sự minh bạch và đảm bảo tuân thủ quy định, qua đó củng cố lòng tin và nâng cao hiệu quả vận hành.
- ✦ Về chính sách: luôn chủ động theo dõi và cập nhật các thay đổi về chính sách và quy định của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp lý. Cam kết này không chỉ giúp công ty duy trì hoạt động kinh doanh bền vững mà còn thúc đẩy văn hóa tuân thủ và trách nhiệm giải trình, góp phần gia tăng tính minh bạch và nâng cao uy tín trên thị trường.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI

PHS đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh, củng cố vị thế thị trường và phát triển nội bộ trong năm 2025. Để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, công ty sẽ đa dạng hóa danh mục sản phẩm tài chính, tối ưu hóa hoạt động cho vay ký quỹ, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới thông qua các công cụ kỹ thuật số và phân tích dữ liệu khách hàng. Việc thu hút và gắn kết khách hàng sẽ được đẩy mạnh thông qua các chiến dịch khuyến mại có mục tiêu, phân khúc khách hàng chi tiết và cải thiện trải nghiệm số. Trong lĩnh vực giao dịch, PHS sẽ tinh chỉnh chính sách khách hàng, nâng cao chuyên môn cho đội ngũ kinh doanh và đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, truyền thông, nhằm khuyến khích giao dịch và gia tăng thị phần. Về mặt nội bộ, PHS sẽ tập trung vào đào tạo và phát triển nhân sự, thu hút nhân tài, triển khai chính sách đãi ngộ theo hiệu suất, cũng như tăng cường sự hợp tác giữa các phòng ban. Đặc biệt, trong chiến lược nhân sự, PHS định hướng các

cấp quản lý chuyển trọng tâm từ doanh số cá nhân sang quản lý đội nhóm hiệu quả. Bằng cách giảm sự phụ thuộc vào chỉ tiêu bán hàng cá nhân, các nhà quản lý có thể tập trung hơn vào hoạch định chiến lược, phân bổ nguồn lực và cố vấn đội ngũ, tạo ra tác động bền vững hơn đến thành công chung của cả tổ chức. PHS sẽ tận dụng các tiến bộ công nghệ, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), cải tiến an ninh mạng và phát triển các giải pháp giao dịch tự động, nhằm tăng cường hiệu quả vận hành và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Hướng đến tương lai, PHS cam kết tăng trưởng lợi nhuận bền vững, duy trì tính minh bạch trong báo cáo tài chính và đầu tư chiến lược nhằm tối đa hóa giá trị cho cổ đông. Bằng cách cung cấp các giải pháp đầu tư tùy chỉnh, nâng cao năng lực nghiên cứu và tối ưu hóa dịch vụ khách hàng, PHS sẽ tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường và mang lại giá trị dài hạn cho khách hàng cũng như các bên liên quan.

TỰ DOANH

Thị trường chứng khoán tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn, được hỗ trợ bởi các chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế trong năm tới. Bên cạnh đó, Việt Nam đang tích cực triển khai các giải pháp nhằm nâng hạng thị trường chứng khoán từ cận biên lên mới nổi vào năm 2025. Việc bãi bỏ yêu cầu ký quỹ trước (Non-Prefunding) theo Thông tư 68 là cột mốc quan trọng, loại bỏ quy định lâu đời yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải đảm bảo 100% ký quỹ trước cho các giao dịch chứng khoán. Động thái này thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với lộ trình nâng hạng thị trường. Theo ước tính của Morgan Stanley, nếu việc nâng hạng diễn ra, các quỹ đầu tư quốc tế có thể rót tới 9 tỷ USD vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decision-making) đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc điều hướng những biến động phức tạp của thị trường, giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào các quan điểm chủ quan và nâng cao độ chính xác trong đầu tư. Bằng cách ứng dụng phân tích dữ liệu và các mô hình định lượng, chúng tôi có thể hạn chế thiên kiến đầu tư, đưa ra quyết định sáng suốt hơn và tối ưu hóa hiệu quả danh mục đầu tư. Chính vì vậy, chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán Việt Nam nắm giữ tiềm năng tăng trưởng đáng kể trong năm 2025.

Nhằm tận dụng những cơ hội từ thị trường, danh mục đầu tư của chúng tôi đã được tái cơ cấu chiến lược, đón đầu các đợt tăng trưởng trong năm tới. Chúng tôi tiếp tục theo đuổi chiến lược đa dạng hóa và tối ưu hóa, đảm bảo khả năng thích ứng linh hoạt với điều kiện thị trường. Thông qua hệ thống giám sát toàn diện cả về phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, chúng tôi tự tin rằng khối Tự doanh sẽ có đủ lợi thế để xác định các cơ hội đầu tư giá trị, hướng tới hiệu suất vượt trội trong năm 2025.

Nhìn chung, chúng tôi cam kết tiếp tục theo sát diễn biến thị trường, duy trì tư duy đầu tư chủ động nhằm khai thác tối đa các cơ hội tiềm năng. Thông qua hợp tác chặt chẽ với khối Nghiên cứu, cùng việc tận dụng phân tích chuyên sâu về các yếu tố cơ bản và kỹ thuật, khối Tự doanh đã nâng cao đáng kể năng lực nắm bắt lợi nhuận vốn hóa, đồng thời duy trì mức độ rủi ro được kiểm soát hợp lý.

SẢN PHẨM CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Từ năm 2023 đến 2024, thị trường chứng quyền có bảo đảm (gọi tắt là chứng quyền) tại Việt Nam đã chứng kiến những thay đổi đáng kể. Số lượng chứng quyền niêm yết giảm mạnh từ 229 xuống còn 77 (giảm 66,4% so với cùng kỳ) và số lượng tổ chức phát hành hoạt động cũng giảm từ 10 xuống còn 4. Tuy nhiên, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày lại tăng từ 28,6 tỷ đồng lên 43,3 tỷ đồng (tăng 51,5% so với cùng kỳ), cho thấy nhu cầu từ nhà đầu tư đối với sản phẩm chứng quyền vẫn rất mạnh mẽ.

Trong năm 2024, PHS đã phát triển thành công hệ thống giao dịch tiên tiến dành cho hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro chứng quyền, đồng thời đã chính thức đưa hệ thống vào vận hành trên thị trường. PHS dự kiến mở rộng hoạt động phát hành chứng quyền vào năm 2025. Với hệ thống giao dịch hiện đại này, PHS có thể nâng cao hiệu quả hoạt động tự doanh, bằng việc tăng độ chính xác và hiệu quả đầu tư, cũng như áp dụng nhiều chiến lược giao dịch đa dạng trên thị trường.

Dựa trên nền tảng kỹ thuật vững chắc đã được xây dựng trong năm 2024, PHS sẽ mở rộng hệ thống giao dịch để phù hợp với các chiến lược giao dịch mới. Ngoài ra, PHS sẽ mở rộng hoạt động giao dịch sang các thị trường sản phẩm khác như ETF và các thị trường phái sinh nhằm đa dạng hóa rủi ro trong hoạt động tự doanh và giao dịch chứng quyền. Mục tiêu của PHS trong những năm tới là xây dựng hoạt động kinh doanh giao dịch đa dạng với rủi ro được đo lường và kiểm soát hiệu quả.

MARKETING

Trong năm 2025, các hoạt động marketing của PHS sẽ tiếp tục đồng hành cùng định hướng chiến lược tổng thể của công ty, tập trung vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ, sản phẩm và thúc đẩy các hoạt động đổi mới nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Phát triển dựa trên các nền tảng có được trong năm 2024, các hoạt động marketing năm 2025 sẽ được triển khai bài bản, tập trung vào các trọng tâm chính:

Quảng bá thương hiệu: tăng cường nhận diện thương hiệu qua các chiến dịch sáng tạo và đa kênh, đa nền tảng, khẳng định vị thế của PHS là một trong những công ty chứng khoán có vốn nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam.

Chương trình khuyến mãi: bên cạnh chất lượng dịch vụ là yếu tố cốt lõi, các hoạt động khuyến mãi, chương trình tri ân khách hàng là những hoạt động hỗ trợ khách hàng tất yếu trên con đường đầu tư của mình. Do đó, việc đẩy mạnh các ưu đãi hấp dẫn trong năm 2025 sẽ nhằm thu hút và giữ chân người dùng mới, góp phần mở rộng tệp khách hàng tiềm năng.

Xây dựng cơ sở dữ liệu hành vi người dùng trực tuyến: áp dụng các công cụ đo lường trực tuyến, cũng như xây dựng hệ thống theo dõi kết quả các chiến dịch mở tài khoản trực tuyến là ưu tiên hàng đầu của khối Marketing trong năm 2025. Điều này sẽ giúp PHS có được cái nhìn tổng quát về đối tượng khách hàng tiềm năng, phân tích dữ liệu, từ đó cá nhân hóa các dịch vụ và chiến dịch tiếp thị, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng.

Dự kiến, năm 2025 sẽ là một năm bùng nổ với nhiều cơ hội lớn trên thị trường. Do đó, đội ngũ Marketing sẽ chuẩn bị kỹ lưỡng các chương trình và kế hoạch hành động để tận dụng tối đa lợi thế này, góp phần đưa PHS tiếp tục vươn xa.





QUẢN LÝ RỦI RO

Với việc triển khai giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước (Non-Prefunding) dành cho nhà đầu tư nước ngoài cùng sự ra mắt của hệ thống giao dịch mới, thị trường chứng khoán sẽ được bổ sung các giải pháp giao dịch và thanh toán tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Những đổi mới này không chỉ góp phần nâng cấp thị trường chứng khoán Việt Nam, mà còn thu hút thêm nhà đầu tư và gia tăng thanh khoản.

Nhằm thích ứng với sự thay đổi của thị trường, khối Quản trị Rủi ro đang nghiên cứu và hoàn thiện các chính sách để đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng bền vững. Một trọng tâm quan trọng là xác định và ưu tiên các cổ phiếu có nền tảng cơ bản vững chắc, gia tăng tỷ trọng của các mã này trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Đồng thời, công ty sẽ cải tiến quy trình đánh giá chứng khoán ký quỹ và hệ thống xếp hạng tín nhiệm khách hàng, nhằm giảm thiểu rủi ro trong khi vẫn hỗ trợ mở rộng hoạt động kinh doanh.

Thị trường chứng khoán phái sinh đang mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ. Khi các sản phẩm phái sinh tiếp tục mở rộng, chiến lược quản trị rủi ro chủ động sẽ được triển khai nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn. Các rủi ro chính - bao gồm rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, yêu cầu ký quỹ, tuân thủ pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống - sẽ được giám sát chặt chẽ. Hơn nữa, công ty sẽ áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro theo thời gian thực, phù hợp với diễn biến thị trường để đảm bảo tính ổn định và hiệu quả của giao dịch phái sinh.



Giảm thiểu rủi ro trong khi vẫn hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh tiếp tục là ưu tiên hàng đầu. Để đạt được mục tiêu này, bộ phận Quản trị Rủi ro sẽ hợp tác chặt chẽ với bộ phận Nghiên cứu để thực hiện các phân tích chuyên sâu về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ. Đồng thời, công cụ phân tích dữ liệu do phòng Phần mềm thuộc khối Công nghệ Thông tin phát triển sẽ được tích hợp sâu hơn vào hệ thống, cho phép thu thập và xử lý dữ liệu nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Những cải tiến này sẽ giúp Hội đồng Quản trị Rủi ro đưa ra

quyết định chính xác hơn. Ngoài ra, danh mục ký quỹ sẽ được đa dạng hóa với tỷ lệ cho vay linh hoạt, nhằm tối ưu hóa tính an toàn, hiệu suất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Trên tất cả, chính sách quản trị rủi ro của công ty sẽ tiếp tục nhấn mạnh vào tính độc lập, linh hoạt, đồng bộ, hiệu quả và bền vững, đảm bảo tăng trưởng kinh doanh song song với việc củng cố vị thế vững chắc của công ty trên thị trường.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Năm 2025, nhằm nâng cao năng suất lao động, công ty sẽ tận dụng các sáng kiến đổi mới dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI), ưu tiên phát triển kỹ năng số và điều chỉnh chiến lược nhân sự phù hợp với môi trường làm việc đang thay đổi. Bên cạnh đó, bộ phận Nhân sự sẽ tích hợp các giá trị ESG vào các hoạt động gắn kết nội bộ, nâng cao nhận thức của nhân viên về trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

Bộ phận Tuyển dụng nhân tài sẽ tối ưu hóa quy trình tuyển dụng, hội nhập nhân sự và xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng nhằm thu hút và giữ chân những nhân tài hàng đầu. Trong khi đó, bộ phận Lương thưởng & Phúc lợi sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lương, chế độ đãi ngộ và các chương trình ghi nhận thành tích, đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh và khuyến khích động lực làm việc.

Ngoài ra, công ty sẽ cải tiến hệ thống đánh giá hiệu suất, tăng cường tính nhất quán và minh bạch trong quy trình đánh giá. Việc tuân thủ luật lao động, quy định bảo hiểm và nghĩa vụ thuế sẽ tiếp tục được ưu tiên nhằm bảo vệ quyền lợi của nhân viên và duy trì sự minh bạch, chuẩn mực trong quản trị doanh nghiệp.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

KPMG là đơn vị kiểm toán của PHS và đã phê duyệt báo cáo tài chính năm 2024 của công ty. Sự phê duyệt này cho thấy các báo cáo tài chính đã được kiểm tra kỹ lưỡng, đảm bảo tính chính xác, đáng tin cậy và tuân thủ các tiêu chuẩn kế toán hiện hành. Điều này mang lại sự minh bạch và củng cố niềm tin của nhà đầu tư, các bên liên quan và cơ quan quản lý đối với tình hình tài chính của công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2024: 329 người.

Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 123.770.682.466 (một trăm hai mươi ba tỷ bảy trăm bảy mươi triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

Thu nhập bình quân: khoảng 27.882.560 (hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi) đồng/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2024: 526.538.280 (năm trăm hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 1 năm trong năm 2024: 648.359.227 (sáu trăm bốn mươi tám triệu ba trăm năm mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng Việt Nam).

Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2024: 6.426.000 (sáu triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2024: khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ người.

Đào tạo nhân viên

Năm 2024, PHS đã cử nhân viên đến Trường Kinh doanh Châu Á do Ngân hàng Trung ương Malaysia và Trường Quản lý MIT Sloan thành lập để lấy bằng MBA, nhằm nâng cao năng lực và đổi mới phương pháp quản lý.

PHS đã triển khai nhiều chương trình đào tạo kiến thức và kỹ năng khác nhau, bao gồm:

- Chương trình đào tạo kỹ năng làm việc nhóm
 - Chương trình đào tạo kỹ năng giải quyết vấn đề
 - Chương trình đào tạo kỹ năng quản lý dự án
 - Chương trình đào tạo kỹ năng đàm phán
 - Chương trình đào tạo kỹ năng quản lý thời gian
- Để tối ưu hóa trải nghiệm học tập của nhân viên và đảm bảo tiếp cận đào tạo thuận tiện, PHS tiếp tục mở rộng và nâng cao hệ thống LMS với những cải tiến sau vào năm 2024:
- Lộ trình khóa học bài bản
 - Thư viện học tập kỹ thuật số
 - Các khóa học trực tuyến tương tác, bao gồm Power BI, Python và đào tạo kỹ năng mềm
 - Chương trình đào tạo chuyên sâu
 - Đánh giá kiến thức thường xuyên
 - Báo cáo đào tạo toàn diện

PHS cũng tiếp tục hỗ trợ nhân viên đạt được các chứng chỉ chuyên môn thiết yếu phù hợp với vai trò và tiêu chuẩn của ngành. Năm 2024, công ty đã triển khai nhiều chương trình đào tạo khác nhau để tạo điều kiện cho nhân viên phát triển chuyên môn, bao gồm:

- Tài trợ cho chương trình đào tạo chứng chỉ hành nghề chứng khoán
- Chương trình đào tạo quản lý cấp cao về quản trị doanh nghiệp, tư duy chiến lược, địa và lãnh đạo tình huống
- Đào tạo kỹ năng CNTT cho nhân viên không chuyên về kỹ thuật
- Đào tạo CNTT chuyên sâu thông qua nền tảng trực tuyến

Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các chương trình đào tạo thực tế ảo để bổ sung kiến thức chuyên môn cho đội ngũ nhân viên môi giới, được đào tạo bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm trực thuộc bộ phận vận hành.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Một xã hội công bằng và tiến bộ được xây dựng trên nền tảng trách nhiệm chung của cả cá nhân và tổ chức. Tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, chúng tôi coi trọng trách nhiệm này và không ngừng đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua các sáng kiến xã hội thiết thực. Bằng cách định hướng chiến lược các khoản đóng góp tài chính của mình thông qua hợp tác với các tổ chức uy tín và cơ quan chính quyền địa phương, PHS nỗ lực tạo ra những tác động tích cực và bền vững.



CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

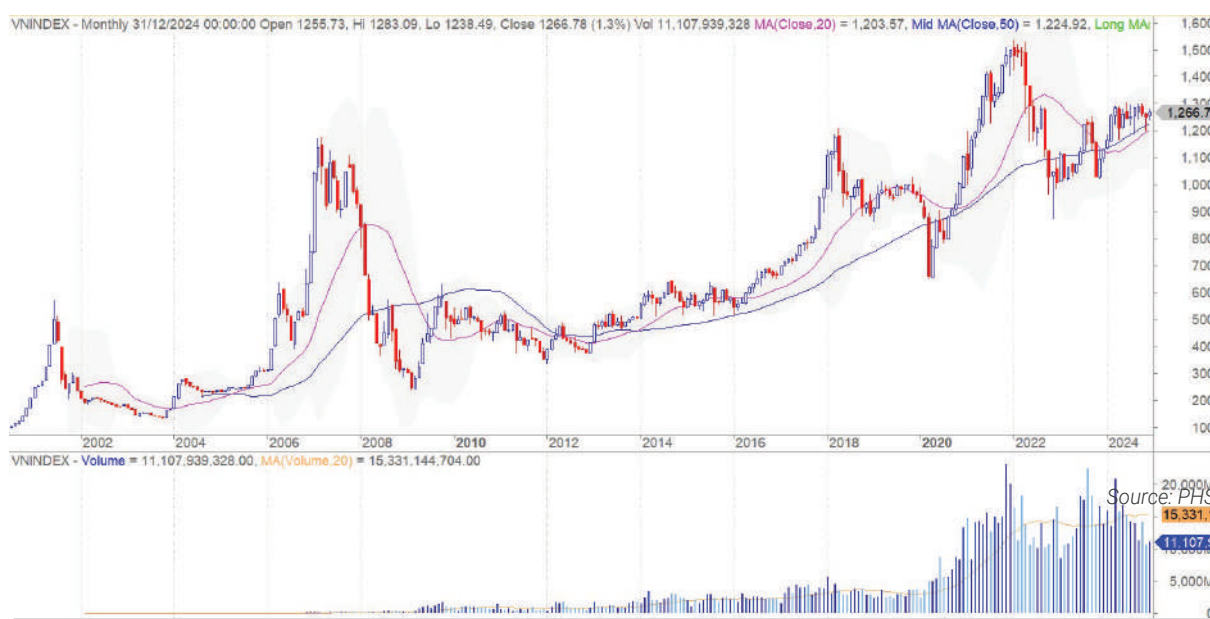




ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2024



VN-Index đóng cửa năm 2024 tại mức 1.266,78 điểm, tương ứng mức tăng 12,1% so với cuối năm 2023. Thanh khoản trung bình trên 3 sàn đạt 21.027 tỷ đồng/phần, tăng 19%YoY.

Kinh tế thế giới đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn trong năm 2024, lạm phát hạ nhiệt giúp cho các NHTW thực hiện các đợt cắt giảm lãi suất lần đầu tiên sau 2 năm liên tiếp tăng lãi suất. Tuy vậy vẫn còn đó nhiều rủi ro, đặc biệt là các ảnh hưởng địa chính trị. Trong năm 2024, ngoài xung đột Nga – Ukraine & giao tranh tại Trung Đông vẫn chưa có hồi kết, các diễn biến trên chính trường của nhiều quốc gia cũng đáng chú ý, đặc biệt là tại khu vực châu Âu & Hàn Quốc. Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đã khép lại với chiến thắng áp đảo thuộc về Đảng Cộng hòa và ông Donald Trump. Và với sự quay lại của Cựu Tổng

thống Trump, rủi ro liên quan đến thương chiến cũng vì vậy mà trở nên leo thang.

Nhìn chung, xu hướng giảm lãi suất cùng với thị trường việc làm ổn định và sự mạnh lên của đồng USD đã khiến cho niềm tin tiêu dùng tại Mỹ ghi nhận tăng trưởng tích cực. Điều này đã phần nào giúp cho xuất khẩu của Việt Nam thiết lập các cột mốc kỷ lục, đồng thời ghi nhận thặng dư thương mại lớn. Qua đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đã phục hồi một cách mạnh mẽ với mức tăng trưởng GDP trên 7%. Ngược lại, lạm phát được kiểm soát một cách chặt chẽ, bình quân cả năm đạt 3,6%. Điều này giúp cho Chính phủ và Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì Chính sách Tài khóa và Tiền tệ nới lỏng, tập trung thúc đẩy nền kinh tế.

Áp lực lớn nhất của Việt Nam trong năm 2024 là việc tỷ giá căng thẳng kéo dài, bắt nguồn từ cả yếu tố trong và ngoài nước. Trên thị trường thế giới, đồng USD duy trì mức tăng mạnh so với các đồng tiền khác khi Fed dù giảm lãi suất nhưng vẫn rất thận trọng. Trong nước, chênh lệch lãi suất giữa USD và VND ở mức cao, cùng nhu cầu nhập khẩu hàng hóa gia tăng mạnh mẽ trong năm để phục vụ sản xuất và xuất khẩu trong nước. Mặc dù có nhiều áp lực nhưng nhờ sự điều hành linh hoạt của Chính phủ & Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá USDVND vẫn nằm trong biên độ cho phép, duy trì được tính ổn định vốn có so với các đồng tiền khác trong khu vực, trong khi mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp (lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dao động quanh 5 – 5,5%), tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định được chi phí đi vay.

Thêm vào đó, trong năm 2024, Chính phủ cũng đã thông qua hàng loạt Luật sửa đổi, thông tư, nghị định mới nhằm tháo gỡ các nút thắt cho lĩnh vực đầu tư công, Bất động sản, Ngân hàng.... Và ngay từ đầu năm 2025, kỳ họp Quốc hội bất thường đã chốt phương án tinh giản bộ máy Chính phủ, hướng tới thúc đẩy hiệu quả của bộ máy.

Đà tăng trưởng ấn tượng của kinh tế Việt Nam cũng được phản ánh rõ nét vào tình hình hoạt động của các doanh nghiệp. Lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết ước tính tăng 20%YoY, so với mức tăng trưởng -5% của năm 2023. Từ đó, mức định giá P/E của thị trường đã được điều chỉnh về mức khá hấp dẫn, khoảng 12.85x tại thời điểm cuối tháng 2/2025. Trong khi đó, áp lực tỷ giá cùng với xu hướng dịch chuyển dòng vốn vào nhóm cổ phiếu công nghệ tại Mỹ đã gây nên áp lực bán ròng mạnh trên thị trường Việt Nam. Dòng vốn ngoại chứng kiến đợt rút vốn kỷ lục với hơn 90 nghìn tỷ đồng trong năm 2024, gấp 4

lần lượng bán ròng trong năm 2023. Mặc dù vậy, có thể thấy rằng thị trường chứng khoán vẫn trụ vững nhờ sự tham gia tích cực của nhà đầu tư trong nước. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trong nước năm 2024 đạt 9,23 triệu, tăng 27,5% so với năm 2023 và tương đương khoảng 9,1% dân số - vượt mức mục tiêu 8% đến năm 2030 của Chính phủ.

Bước sang năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang đến nhiều cơ hội bứt phá nhờ các yếu tố vĩ mô thuận lợi và những cải cách chiến lược. Động lực chính cho sự tăng trưởng này đến từ kinh tế vĩ mô ổn định, với GDP Việt Nam dự kiến có thể tăng trên 8%. Bên cạnh đó, các nỗ lực nâng hạng TTCK lên "thị trường mới nổi" của FTSE sẽ là yếu tố quan trọng thu hút vốn ngoại. Việc triển khai hệ thống KRX sẽ cải thiện tính minh bạch, hiệu quả giao dịch trên thị trường đồng thời hỗ trợ cải thiện thanh khoản cho thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, thị trường cũng sẽ đối mặt với những thách thức như biến động kinh tế toàn cầu, các chính sách tiền tệ khó lường của Mỹ dưới thời Tổng thống Trump,... Theo ước tính của PHS, trong kịch bản cơ sở, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể tăng đến 18%YoY với P/E dự phóng hiện nay chỉ khoảng 10 lần, là mức định giá khá hấp dẫn.

Về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ bước vào một chu kỳ tăng trưởng bền vững nhờ động lực chính từ nội tại kinh tế và việc nâng hạng của thị trường. Chính phủ đã và đang nỗ lực đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế có thu nhập cao trong thập kỷ tới, đồng thời đưa ra những giải pháp để cải cách thị trường chứng khoán, từ đó đáp ứng các tiêu chí để được nâng hạng lên thị trường mới nổi của FTSE và MSCI.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức đối với hoạt động kinh doanh của PHS. Trong bối cảnh đó, công ty đã nỗ lực thích ứng và duy trì hoạt động ổn định, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 108 triệu đồng, chưa đạt được kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên thông qua vào năm trước.

NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2025

Kết quả kinh doanh năm 2024 là sự nỗ lực của tập thể Ban TGD, toàn thể cán bộ công nhân viên. Để củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường chứng khoán, HĐQT đặt mục tiêu chiến lược tập trung vào tăng trưởng bền vững, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng dịch vụ, với các trọng tâm chính sau:

Ưu tiên chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, nhằm mang đến trải nghiệm đầu tư liền mạch và cá nhân hóa. Điều này bao gồm việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật số tiên tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn và củng cố hệ thống quản lý rủi ro, qua đó xây dựng lòng tin và sự gắn kết bền vững của nhà đầu tư.

Phát triển các sản phẩm tài chính và giải pháp đầu tư sáng tạo, phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của cả nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Trong đó, PHS tập trung vào việc giới thiệu các sản phẩm có cấu trúc, mở rộng danh mục sản phẩm phái sinh và quỹ ETF, đồng thời tận dụng phân tích dữ liệu do AI hỗ trợ để cung cấp thông tin chuyên sâu, giúp tối ưu hóa chiến lược đầu tư.

Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ mới nổi, tăng cường các biện pháp an ninh mạng và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định, nhằm thiết lập một môi trường giao dịch an toàn, minh bạch và hiệu quả.

Điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển thị trường tài chính, thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược và mở rộng cơ hội đầu tư quốc tế, góp phần nâng cao tính thanh khoản và khả năng cạnh tranh của thị trường chứng khoán Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, PHS không ngừng đóng góp vào sự phát triển của thị trường vốn, đặc biệt là trong việc thúc đẩy tính minh bạch, chính trực và đổi mới. PHS chủ động tham gia các hoạt động của thị trường tài chính, tích cực kết nối các doanh nghiệp và chuyên gia tài chính Đài Loan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch để trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong triển khai các sản phẩm tài chính mới.

Chúng tôi tin rằng mục tiêu kinh doanh không chỉ đơn thuần là lợi nhuận. Bằng việc đóng góp và phát triển thị trường, PHS luôn tiên phong trong việc hỗ trợ thị trường chứng khoán Việt Nam.

NUÔI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn trau dồi các kỹ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu năm 2025, các giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho PHS: chất lượng dịch vụ, đổi mới và phát triển sản phẩm. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động.

Cụ thể:

Lấy khách hàng làm trung tâm: Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua tối ưu hóa quy trình, các công cụ quản lý danh mục đầu tư hiện đại và cá nhân hóa dịch vụ tư vấn.

Chuyển đổi số: Tăng cường các sản phẩm kỹ thuật số bằng cách nâng cấp nền tảng giao dịch với khả năng phân tích theo thời gian thực, tích hợp tin tức thị trường và thông tin được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI).

Kiến thức cho nhà đầu tư: Triển khai các chương trình đào tạo toàn diện và tổ chức hội thảo dành cho khách hàng cá nhân và tổ chức, tập trung vào việc cập nhật các quy định pháp lý và chiến lược thị trường.

Tích hợp công nghệ: Ứng dụng AI và học máy (Machine Learning) để cải thiện thuật toán giao dịch, tối ưu hóa quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả giám sát tuân thủ.

Danh mục sản phẩm đa dạng: Mở rộng cung cấp sản phẩm như ETF, sản phẩm cấu trúc và công cụ phái sinh được thiết kế phù hợp với nhu cầu thị trường.

Giải pháp riêng biệt tùy chỉnh: Phát triển các công cụ tài chính và sản phẩm giao dịch ký quỹ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân có giá trị tài sản ròng cao.



CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	0%
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên		0%
5.	Bà Liu, Hsiu Mei	Thành viên độc lập		0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KHÔNG CÓ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT đã hoàn thành những công việc được ĐHĐCĐ giao phó, qua đó, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh của PHS khởi sắc và nâng cao thị phần môi giới của PHS trên thị trường chứng khoán.

Ngày 24/01/2024, HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung chính sách Quản lý rủi ro.

Ngày 22/03/2024, HĐQT đã thông qua Điều lệ sửa đổi đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên ngày 17/4/2024 để thông qua và áp dụng thực hiện.

Những văn bản trên đã cập nhật những quy định pháp luật mới nhất, góp phần tạo nên khung pháp lý

chắc chắn, làm nền tảng để công ty hoạt động một cách có hiệu quả và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật.

PHS đã lập ra Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ để hỗ trợ HĐQT kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ. Với nguồn nhân sự là những nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ đã giúp HĐQT quản lý tốt tất cả các rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện 08 cuộc họp, thông qua 08 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện 08 cuộc họp, thông qua 08 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	24/01/2024	01/83_0124/NQ-HĐQT	1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/12/2023; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/2023; 3. Thông qua chính sách quản lý rủi ro năm 2024.
2.	28/02/2024	01/84_0224/NQ-HĐQT	1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua việc tăng và gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng KGI.
3.	22/03/2024	01/85_0324/NQ-HĐQT	1. Thông qua chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024; 2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023; 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023; 4. Thông qua báo cáo quản trị công ty năm 2023; 5. Thông qua kế hoạch phát triển và kinh doanh công ty trong năm 2024; 6. Thông qua dự toán ngân sách tài chính năm 2024; 7. Thông qua phương án xử lý nợ khó đòi; 8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông; 9. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; 10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty; 11. Thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của PHS; 12. Thông qua giấy ủy quyền cho ông Chen Chia Ken – thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa đại hội và ký những văn bản liên quan đến đại hội ngày 17/04/2024; 13. Thông qua báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2023; 14. Thông qua việc gia hạn hợp đồng thấu chi với ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa; 15. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với ngân hàng Quốc tế Taishin; 16. Thông qua điều kiện chào bán Chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2024.

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
4.	30/05/2024	01/86_0424/NQ-HĐQT	1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/03/2024; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/03/2024; 3. Thông qua thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2024; 4. Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung Quy chế phòng chống rửa tiền; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và tăng hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp hạn mức rủi ro trước thanh toán mới với ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun – chi nhánh Đồng Nai; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán mới với ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh; 9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai; 10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh; 11. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 12. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Chang Hwa – chi nhánh HSI-Sung; 13. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương Mại TNHH E.Sun – chi nhánh Offshore; 14. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Offshore; 15. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – OBU; 16. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong; 17. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023; 18. Thông qua Quy chế công bố thông tin; 19. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy chế kiểm toán nội bộ và quy trình thực hiện công việc của khối Kiểm toán nội bộ.
5.	27/06/2024	01/87_0524/NQ-HĐQT	1. Thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng; 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp hạn mức thấu chi với ngân hàng TMCP Phương Đông, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Cathay United – OBU;

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
			4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Offshore; 5. Thông qua việc đính chính nội dung tiếng Việt tại điều 10 của nghị quyết số 01/86_0424/NQ-HĐQT và điều 6 của nghị quyết số 04/86_0424/NQ-HĐQT đã ban hành tháng 5/2024; 6. Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm cho nửa cuối năm 2024.
6.	27/9/2024	01/88_0624/NQ-HĐQT	1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/06/2024; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/06/2024; 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng TNHH CTBC – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Panhsin; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng TNHH CTBC; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương mại EnTie – chi nhánh Offshore; 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Hợp tác Đài Loan – chi nhánh Offshore; 9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Union Bank of Taiwan.
7.	28/11/2024	01/89_0724/NQ-HĐQT	1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/9/2024; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/9/2024; 3. Thông qua việc thay đổi địa chỉ chi nhánh Quận 3; 4. Thông qua việc đóng cửa chi nhánh Hà Nội và miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Hà Nội; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương – Hội sở; 6. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Sài Gòn; 8. Thông qua ngân sách công ty năm 2025.
8.	30/12/2024	01/90_0824/NQ-HĐQT	1. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025; 2. Thông qua chính sách Quản lý rủi ro năm 2025; 3. Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức giao dịch ngoại tệ ngắn hạn với ngân hàng SinoPac – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng SinoPac – OBU.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đúng với nhiệm vụ được giao. Cùng với Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT độc lập đã giám sát và theo dõi các hoạt động của HĐQT và Ban TGD trong các hoạt động quản lý điều hành công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch	Có	Có
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	Có	Có
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Không	Có
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Có	Có
5.	Bà Liu, Hsiu Mei	Thành viên độc lập	Không	Có



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Liew, Sep Siang	Trưởng Ban kiểm soát	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	0%
2.	Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên		0%
3.	Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên (đến ngày 16/04/2024)	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng	0%
4.	Bà Wang, Gwan-Fang	Thành viên (từ ngày 17/04/2024)		0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát trong năm 2024 đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS, bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị công ty của HĐQT, Ban TGD cũng như hoạt động của các khối trong công ty.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện những cuộc họp thể hiện qua các biên bản họp sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	22/03/2024	01/21_0124/BB-BKS	1. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động trong năm 2023 đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; 2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong năm 2024 đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; 3. Thông qua việc miễn nhiệm của thành viên Ban kiểm soát – bà Kuo, Ping-Min và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
2.	31/12/2024	01/22_0224/BB-BKS	1. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024; 2. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho quý kết thúc ngày 30/09/2024; 3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính ngày 30/06/2024; 4. Báo cáo kế hoạch kinh doanh 2025.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được nhận thù lao theo chế độ của công ty. Tổng cộng khoản thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát là 1.920.000.000 đồng.

Thành viên Ban TGD gồm có Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng nhận lương và thưởng theo chế độ của công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2024, Cổ đông nội bộ không giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2024, PHS không có hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2024, áp dụng những quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, PHS đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và trình ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 17/04/2024.

Đồng thời, PHS cũng tổ chức phổ biến các quy định mới để tất cả các khối trong công ty có cơ sở tuân thủ và thực hiện theo Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cam kết của PHS trong việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý cũng như duy trì tính minh bạch và tuân thủ trong hoạt động của mình.



CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG



The background of the page is a green-tinted photograph of a city skyline, featuring several tall skyscrapers. The text is overlaid on the right side of the image.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
 và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Wang, Gwan Fang	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên
	(đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch
Phú Mỹ Hưng** Tầng trệt, CR2-08
107 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 4
458 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 2, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00440-25-1



Chang Hưng Chấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		3.848.310.376.508	3.959.452.700.074
I Tài sản tài chính	110		3.840.828.798.363	3.954.792.801.205
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	181.971.791.321	196.824.308.864
1.1 Tiền	111.1		38.430.103.044	91.373.936.013
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		143.541.688.277	105.450.372.851
2 Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	73.857.466.068	90.634.482.673
3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	696.000.000.000	654.213.238.356
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	2.874.796.226.533	2.951.919.275.244
6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	11(a)	(47.534.983.549)	(30.551.507.140)
7 Các khoản phải thu	117	8	51.291.372.400	74.788.081.049
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	117.2		51.291.372.400	74.788.081.049
8 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		1.175.067.215	7.108.023.307
9 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	9	3.773.839.584	3.964.076.031
12 Các khoản phải thu khác	122	10	13.808.912.532	12.786.514.140
13 Dự phòng phải thu khó đòi	129	11(b)	(8.310.893.741)	(6.893.691.319)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		7.481.578.145	4.659.898.869
1 Tạm ứng	131		246.977.600	162.595.400
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	5.174.553.497	4.497.303.469
6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	21	2.060.047.048	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		83.054.992.749	81.285.669.824
II Tài sản cố định	220		28.747.496.335	23.745.314.509
1 Tài sản cố định hữu hình	221	13	11.974.883.600	13.805.025.065
Nguyên giá	222		51.812.143.364	47.229.401.364
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(39.837.259.764)	(33.424.376.299)
3 Tài sản cố định vô hình	227	14	16.772.612.735	9.940.289.444
Nguyên giá	228		36.879.716.400	26.091.616.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(20.107.103.665)	(16.151.326.956)
V Tài sản dài hạn khác	250		54.307.496.414	57.540.355.315
1 Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	5.470.397.057	5.637.869.733
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	10.152.079.973	18.287.789.360
3 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253	16	9.141.330.600	6.591.125.211
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	19.464.116.068	16.964.116.068
5 Tài sản dài hạn khác	255	18	10.079.572.716	10.059.454.943
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.931.365.369.257	4.040.738.369.898

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.864.267.558.510	2.428.745.823.487
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.862.166.673.210	2.426.614.761.125
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		1.433.388.000.000	1.990.040.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312	19	1.433.388.000.000	1.990.040.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	399.765.881.440	389.121.316.960
8	Phải trả người bán	320		713.921.382	66.259.697
9	Người mua trả tiền trước Thuế và các khoản phải nộp	321		50.000.000	-
10	Nhà nước	322	21	8.156.539.434	11.982.298.962
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		373.470.775	372.753.773
13	Chi phí phải trả	325	22	17.565.079.800	23.311.796.104
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		43.164.711	-
17	Các khoản phải trả khác	329	23	2.110.615.668	11.720.335.629
II	Nợ phải trả dài hạn	340		2.100.885.300	2.131.062.362
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		2.100.885.300	2.131.062.362
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.067.097.810.747	1.611.992.546.411
I	Vốn chủ sở hữu	410		2.067.097.810.747	1.611.992.546.411
1	Vốn cổ phần	411	24	2.000.097.005.000	1.500.097.005.000
1.1	Vốn cổ phần	411.1		2.000.098.190.000	1.500.098.190.000
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		(1.185.000)	(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.064.998.139	12.064.998.139
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		54.935.807.608	99.830.543.272
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		47.619.965.451	105.003.116.298
7.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		7.315.842.157	(5.172.573.026)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		3.931.365.369.257	4.040.738.369.898

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
A. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY			
6 Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	200.009.329	150.009.329
7 Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán (“VSDC”) của Công ty	008	2.821.330.000	13.602.690.000
9 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009	2.420.000	2.420.000
10 TSTC chờ về của Công ty	010	150.000.000	218.600.000
13 TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	78.000.000	149.200.000
14 Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (số lượng)	014	-	1.065.800
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	021	8.289.906.820.000	8.178.036.075.000
a TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	7.648.665.380.000	7.489.234.325.000
b TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2	26.658.870.000	27.916.510.000
c TSTC giao dịch cầm cố	021.3	157.099.480.000	218.667.990.000
d TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4	312.000.690.000	312.000.690.000
e TSTC chờ thanh toán	021.5	145.482.400.000	130.216.560.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	108.452.100.000	371.080.410.000
a TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	77.330.120.000	75.800.070.000
b TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	31.121.980.000	295.280.340.000
3 TSTC chờ về của nhà đầu tư	023	212.048.640.000	164.619.850.000
6 TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	77.932.300.000	8.242.480.000
7 Tiền gửi của nhà đầu tư	026	710.651.908.994	763.571.527.689
7.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	296.077.799.776	425.156.275.773
7.2 Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	027.1	414.574.109.218	338.415.251.916

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	296.077.799.776	425.156.275.773
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	291.266.423.224	420.204.181.753
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	4.811.376.552	4.952.094.020

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01		12.554.313.374	14.328.354.651
<i>a Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1	26	5.634.885.838	11.017.029.327
<i>b Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2		6.346.806.416	2.988.633.744
<i>c Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3		572.621.120	322.691.580
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	27	37.337.733.669	73.112.766.792
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28	278.533.424.347	314.274.638.330
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06		145.494.281.929	150.678.112.953
1.9 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		7.449.393.838	5.800.985.994
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn	10		32.727.273	-
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		1.766.199.337	845.048.647
Tổng doanh thu hoạt động	20		483.168.073.767	559.039.907.367
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		2.162.643.449	9.872.981.763
<i>a Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1	26	2.562.252.216	9.775.671.605
<i>b Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2		(210.340.556)	(91.958.053)
<i>d Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành</i>	21.4		(189.268.211)	189.268.211
2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	24	11(a)	17.999.697.389	17.390.111.654
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		4.443.480.016	3.174.982.903
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27	29	166.777.549.418	168.864.542.818
2.10 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		7.907.728.846	6.388.857.906
2.11 Chi phí nghiệp vụ tư vấn	31		1.147.155.396	1.155.892.164
2.12 Chi phí khác	32	11(b)	1.417.202.422	(559.447.607)
Tổng chi phí hoạt động	40		201.855.456.936	206.287.921.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
III		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	21.654.954.153 39.327.917.136
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	1.826.686.076 1.431.687.677
		Tổng doanh thu hoạt động tài chính	50	23.481.640.229 40.759.604.813
IV		CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	69.136.122.795 84.859.712.000
4.2		Chi phí lãi vay	52 30	128.806.052.741 149.125.757.455
		Tổng chi phí tài chính	60	197.942.175.536 233.985.469.455
VI		CHI PHÍ QUẢN LÝ	62 31	106.679.984.276 103.166.761.773
VII		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	70	172.097.248 56.359.359.351
VIII		THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
8.1		Thu nhập khác	71	308.753.709 468.124.194
8.2		Chi phí khác	72	139.938.375 628.242.585
		Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80	168.815.334 (160.118.391)
IX		TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90	340.912.582 56.199.240.960
9.1		(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	91	(12.147.502.601) 110.472.917.374
9.2		Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92	12.488.415.183 (54.273.676.414)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		232.849.546	11.648.447.958
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	2.783.054.935	14.535.289.259
10.2	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(2.550.205.389)	(2.886.841.301)
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		108.063.036	44.550.793.002
XII	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII	THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	33	0,7	297

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	340.912.582	56.199.240.960
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	102.130.274.525	214.689.026.513
Khấu hao và phân bổ	03	10.368.660.174	8.862.034.251
Các khoản dự phòng	04	18.370.501.769	16.981.711.965
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(5.742.000.000)	57.165.000.000
Chi phí lãi	06	128.806.052.741	149.125.757.455
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	07	-	(590.909)
Dự thu tiền lãi	08	(49.672.940.159)	(17.444.886.249)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	(399.608.767)	97.310.158
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	(399.608.767)	97.310.158
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(6.346.806.416)	(2.988.633.744)
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(6.346.806.416)	(2.988.633.744)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	95.724.771.924	267.996.943.887
Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	23.334.163.577	(80.838.781.811)
(Tăng)/giảm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(41.786.761.644)	114.100.008.220
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	77.123.048.711	(960.281.945.959)
Giảm các khoản phải thu	36	73.169.648.808	-
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	190.236.447	5.859.588.081
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(1.022.398.392)	219.918.215
Tăng các tài sản khác	40	(4.497.074.345)	(3.598.503.493)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(3.361.266.594)	1.657.810.127
Giảm chi phí trả trước	42	7.458.459.359	3.499.290.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(8.719.340.658)	(14.534.752.098)
Tiền lãi đã trả	44	(131.191.502.451)	(146.371.092.469)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45	6.580.617.777	(5.773.580.594)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	717.002	2.307.000
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.110.526.195	(3.273.250.340)
Giảm phải trả người lao động	48	-	(6.146.000)
Tăng các khoản phải trả khác	50	1.045.813.321	199.425.944.169
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	96.159.659.037	(621.916.242.165)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(15.370.842.000)	(7.402.907.918)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định	62	-	590.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(15.370.842.000)	(7.402.317.009)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp từ chủ sở hữu	71	500.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	7.890.447.000.000	9.392.294.124.101
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(8.441.357.000.000)	(9.292.439.124.101)
Cổ tức trả cho cổ đông	76	(44.731.334.580)	(37.592.696.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(95.641.334.580)	62.262.303.600
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	(14.852.517.543)	(567.056.255.574)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	196.824.308.864	763.880.564.438
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	181.971.791.321	196.824.308.864
▪ Tiền	103.1	38.430.103.044	91.373.936.013
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	143.541.688.277	105.450.372.851

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	38.621.844.527.649	38.749.240.984.544
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(37.876.401.068.039)	(39.824.401.812.944)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	52.277.945.297.503	55.500.518.225.396
Nhận tiền ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	07.1	76.158.857.302	71.213.172.507
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(53.149.757.972.769)	(54.217.612.309.741)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(2.709.260.341)	(2.063.062.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(52.919.618.695)	276.895.197.722
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng đầu năm	30	763.571.527.689	486.676.329.967
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		338.415.251.916	267.202.079.409
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng cuối năm (40 = 20 + 30)	40	710.651.908.994	763.571.527.689
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	710.651.908.994	763.571.527.689
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	710.651.908.994	763.571.527.689
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		414.574.109.218	338.415.251.916

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2023		Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024		Biến động trong năm kết thúc ngày 31/12/2023		Biến động trong năm kết thúc ngày 31/12/2024		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2023		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND	VND	VND
Vốn cổ phần	1.500.098.190.000	1.500.098.190.000	1.500.098.190.000	1.500.098.190.000	-	-	500.000.000.000	-	1.500.098.190.000	2.000.098.190.000	2.000.098.190.000	(1.185.000)
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	-	(1.185.000)	(1.185.000)	(1.185.000)	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.064.998.139	12.064.998.139	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-	12.064.998.139	12.064.998.139	12.064.998.139	-
Quỹ dự phòng tài chính	12.064.998.139	12.064.998.139	12.064.998.139	12.064.998.139	-	(12.064.998.139)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	73.216.617.931	99.830.543.272	110.889.467.555	124.888.415.183	12.488.415.183	(84.275.542.214)	12.488.415.183	(57.383.150.847)	99.830.543.272	54.935.807.608	54.935.807.608	-
Trong đó:												
Lợi nhuận đã thực hiện	24.115.514.543	105.003.116.298	98.824.469.416	122.939.983.959	-	(12.380.352.147)	-	(12.380.352.147)	122.939.983.959	92.622.764.151	92.622.764.151	-
Hoàn nhập quỹ dự trữ tài chính	-	-	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-	12.064.998.139	-	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(30.001.865.800)	-	(30.001.865.800)	-	(45.002.798.700)	(30.001.865.800)	(45.002.798.700)	(45.002.798.700)	-
(Lợi)lợi nhuận chưa thực hiện	49.101.103.388	(5.172.573.026)	-	(54.273.676.414)	12.488.415.183	(54.273.676.414)	12.488.415.183	-	(5.172.573.026)	7.315.842.157	7.315.842.157	-
Tổng cộng	1.597.443.619.209	1.611.992.546.411	110.889.467.555	(96.340.540.353)	512.488.415.183	(57.383.150.847)	1.611.992.546.411	(45.002.798.700)	1.611.992.546.411	2.067.097.810.747	2.067.097.810.747	(1.185.000)

Người lập:


Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người soát xét:


Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND (31/12/2023: 1.500.098.190.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 329 nhân viên (31/12/2023: 382 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền có đảm bảo được ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) như Thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn

Tỷ lệ trích lập dự phòng

Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Chứng quyền có đảm bảo

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền đảm bảo được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá trị hợp lý sau ngày ghi nhận ban đầu.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính khi phát sinh.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm
Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn cổ phần

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	181.967.755.066	196.820.272.609
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	696.000.000.000	654.213.238.356
Các khoản phải thu về cho vay - gộp (ii)	2.874.796.226.533	2.951.919.275.244
Các khoản phải thu (ii)	51.291.372.400	74.788.081.049
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	3.773.839.584	3.964.076.031
Các khoản phải thu khác - gộp (ii)	13.808.912.532	12.786.514.140
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	19.464.116.068	16.964.116.068
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	5.470.397.057	5.637.869.733
Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	10.059.454.943
	3.856.652.191.956	3.927.152.898.173



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	11.593.764.091	11.174.224.109
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	3.316.267.434	4.443.207.793
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	49.061.211.115	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	48.291.197.147
	63.971.242.640	63.908.629.049

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	3.282.870.350	4.280.532.790
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	5.620.250	966.990
▪ Sàn UPCOM	3.277.250.100	4.279.565.800
TSTC phong tỏa, tạm giữ	4.842.495.000	22.182.897.800
	8.125.365.350	26.463.430.590

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	420.484.606	921.228.900
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	770.013.968
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	5.694.219	-
	426,178,825	1,691,242,868

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.433.388.000.000	1.459.823.545.331	1.459.823.545.331
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	399.765.881.440	399.765.881.440	399.765.881.440
Phải trả người bán	713.921.382	713.921.382	713.921.382
Chi phí phải trả	8.635.491.827	8.635.491.827	8.635.491.827
Các khoản phải trả khác	2.110.615.668	2.110.615.668	2.110.615.668
	1.844.613.910.317	1.871.049.455.648	1.871.049.455.648
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.990.040.000.000	2.046.606.490.335	2.046.606.490.335
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	389.121.316.960	389.121.316.960	389.121.316.960
Phải trả người bán	66.259.697	66.259.697	66.259.697
Chi phí phải trả	12.125.926.733	12.125.926.733	12.125.926.733
Các khoản phải trả khác	11.720.335.629	11.720.335.629	11.720.335.629
	2.403.073.839.019	2.459.640.329.354	2.459.640.329.354

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	39.000.000	989.388.000.000	66.000.000	1.613.040.000.000
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	35.000.000	887.184.000.000	-	-
Vị thế tiền tệ ròng	4.000.000	102.204.000.000	66.000.000	1.613.040.000.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
USD/VND	25.551	24.440

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***Ảnh hưởng đến
lợi nhuận sau thuế
VND****Ngày 31 tháng 12 năm 2024**

USD (mạnh hơn 5% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế

4.088.160.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế

38.712.960.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	181.967.755.066	196.820.272.609
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	696.000.000.000	654.213.238.356
Các khoản phải thu về cho vay thuần	2.827.261.242.984	2.921.367.768.104
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	19.464.116.068	16.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	10.059.454.943
Vay ngắn hạn	(1.433.388.000.000)	(1.990.040.000.000)
	2.301.384.686.834	1.809.384.850.080

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
• Cổ phiếu niêm yết	13.877.519.998	13.877.519.998	39.528.199.108	39.528.199.108
• Cổ phiếu đang ký giao dịch trên UPCOM	1.062.614.891	1.062.614.891	27.689.899	27.689.899
• Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
▪ Chứng chỉ quỹ	58.902.284.652	58.902.284.652	51.063.547.139	51.063.547.139
	696.000.000.000	696.000.000.000	654.213.238.356	654.213.238.356
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	181.971.791.321	181.971.791.321	196.824.308.864	196.824.308.864
	2.827.261.242.984	(*)	2.921.367.768.104	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	51.291.372.400	(*)	74.788.081.049	(*)
▪ Các khoản phải thu	3.773.839.584	(*)	3.964.076.031	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	5.498.018.791	(*)	5.892.822.821	(*)
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	19.464.116.068	(*)	16.964.116.068	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	5.470.397.057	(*)	5.637.869.733	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.079.572.716	(*)	10.059.454.943	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác				

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2024	31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính			
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>			
Phải trả chứng quyền	-	(6.479.570.000)	(6.479.570.000)
Nợ phải trả tài chính			
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>			
▪ Vay ngắn hạn	(1.433.388.000.000)	(*)	(1.990.040.000.000) (*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(399.765.881.440)	(*)	(389.121.316.960) (*)
▪ Phải trả người bán	(713.921.382)	(*)	(66.259.697) (*)
▪ Chi phí phải trả	(8.635.491.827)	(*)	(12.125.926.733) (*)
▪ Phải trả khác	(2.110.615.668)	(*)	(11.720.335.629) (*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền mặt	4.036.255	4.036.255
Tiền gửi ngân hàng	38.426.066.789	91.369.899.758
Các khoản tương đương tiền (i)	143.541.688.277	105.450.372.851
	181.971.791.321	196.824.308.864

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,0% đến 4,8% (31/12/2023: từ 1,8% đến 3,8%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 53.541.688.277 VND (31/12/2023: 105.450.372.851 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	3.879.030	144.096.024.910	11.318.382	331.662.575.670
Chứng khoán khác	2.513.700	8.726.454.000	36.467.249	141.520.479.530
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	3.758.488.890	84.942.921.881.160	4.283.789.996	83.402.646.328.420
Trái phiếu	746.230	77.577.268.590	16.030.756	1.717.217.393.028
Chứng khoán khác	76.859.120	317.096.783.280	47.787.498	83.383.341.310
	3.842.486.970	85.490.418.411.940	4.395.393.881	85.676.430.117.958

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính****(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	13.758.762.493	13.877.519.998	38.225.051.062	39.528.199.108
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	1.159.814.891	1.062.614.891	27.689.899	27.689.899
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
Chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	58.902.284.652	50.000.000.000	51.063.547.139
	64.933.623.911	73.857.466.068	88.267.787.488	90.634.482.673



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày báo cáo như sau:

	Số lượng	31/12/2024				
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
		(1)	(2)	(3) = (2) – (1)	(4) = (1) – (2)	(5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết						
VCB	28.000	2.541.924.444	2.553.600.000	11.675.556	-	2.553.600.000
CTG	43.000	1.317.263.568	1.625.400.000	308.136.432	-	1.625.400.000
BID	30.000	1.255.050.350	1.126.500.000	-	128.550.350	1.126.500.000
DHG	11.000	1.203.971.615	1.142.900.000	-	61.071.615	1.142.900.000
SAB	20.000	1.124.455.556	1.110.000.000	-	14.455.556	1.110.000.000
Các cổ phiếu khác	138.800	6.316.096.960	6.319.119.998	170.042.228	167.019.190	6.319.119.998
	270.800	13.758.762.493	13.877.519.998	489.854.216	371.096.711	13.877.519.998
UPCOM						
Các cổ phiếu khác	26.735	1.159.814.891	1.062.614.891	-	97.200.000	1.062.614.891
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ						
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	58.902.284.652	8.902.284.652	-	58.902.284.652
	5.119.730	64.933.623.911	73.857.466.068	9.392.138.868	468.296.711	73.857.466.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số lượng	31/12/2023		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023			Giá trị đánh giá lại VND
		Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	(5) = (1) + (3) – (4)	
Cổ phiếu niêm yết							
HPG	921.000	24.596.477.091	25.741.950.000	1.145.472.909	-	-	25.741.950.000
DHG	17.600	1.913.697.686	1.830.400.000	3.935.692	87.233.378	-	1.830.400.000
VNM	25.020	1.792.863.244	1.691.352.000	-	101.511.244	-	1.691.352.000
Các cổ phiếu khác	256.813	9.922.013.041	10.264.497.108	832.376.712	489.892.645	-	10.264.497.108
	1.220.433	38.225.051.062	39.528.199.108	1.981.785.313	678.637.267	-	39.528.199.108
UPCOM							
Các cổ phiếu khác	728	27.689.899	27.689.899	-	-	-	27.689.899
Cổ phiếu chưa niêm yết							
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ							
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	51.063.547.139	1.063.547.139	-	-	51.063.547.139
	6.043.356	88.267.787.488	90.634.482.673	3.045.332.452	678.637.267	-	90.634.482.673

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính (tiếp theo)****(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	626.000.000.000	(*)	654.213.238.356	(*)
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm và kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	70.000.000.000	(*)	-	-
	696.000.000.000		654.213.238.356	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 566.000.000.000 VND (31/12/2023: 564.213.238.356 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lãi suất năm tiền gửi có kỳ hạn dao động từ 2,3% đến 5,7% (31/12/2023: từ 2,5% đến 8,7%).

(c) Các khoản phải thu về cho vay

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	2.739.085.479.371	(*)	2.890.043.967.369	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	135.710.747.162	(*)	61.875.307.875	(*)
	2.874.796.226.533		2.951.919.275.244	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 14,8% (31/12/2023: từ 10,0% đến 13,5%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2023: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2023: từ 30% đến 70%).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 9,5% đến 13,5% (31/12/2023: từ 10,5% đến 13,5%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

8. Các khoản phải thu

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	36.007.631.811	50.865.657.812
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.283.740.589	22.028.335.567
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	-	1.894.087.670
	51.291.372.400	74.788.081.049

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	1.275.987.800	1.461.969.950
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	1.604.164.966	1.770.230.617
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	472.364.410	491.051.396
Phải thu khác	421.322.408	240.824.068
	3.773.839.584	3.964.076.031

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.014.248.697	12.095.453.009
Phải thu khác	1.794.663.835	691.061.131
	13.808.912.532	12.786.514.140

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi****(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549
	Tại ngày 31/12/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.734.404.940	22.182.897.800	30.551.507.140

Biến động của dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	30.551.507.140	13.161.395.486
Dự phòng trích lập trong năm	17.999.697.389	17.390.111.654
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.016.220.980)	-
Số dư cuối năm	47.534.983.549	30.551.507.140

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể	Dự phòng
	VND	thu hồi	VND
		VND	VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.593.764.091	3.282.870.350	8.310.893.741

	Tại ngày 31/12/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể	Dự phòng
	VND	thu hồi	VND
		VND	VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.174.224.109	4.280.532.790	6.893.691.319

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.893.691.319	7.453.138.926
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	1.417.202.422	(559.447.607)
Số dư cuối năm	8.310.893.741	6.893.691.319

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Bảo trì phần mềm	1.890.363.353	725.350.312
Chi phí thuê trả trước	373.678.763	519.961.414
Các chi phí khác	2.910.511.381	3.251.991.743
	5.174.553.497	4.497.303.469

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Công cụ và dụng cụ	2.617.840.688	5.382.643.332
Phần mềm	1.979.918.254	2.657.600.356
Thiết bị công nghệ thông tin	165.065.810	1.304.324.849
Nâng cấp văn phòng	4.705.960.583	8.593.137.409
Các chi phí khác	683.294.638	350.083.414
	10.152.079.973	18.287.789.360

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	18.287.789.360	16.785.221.733
Tăng trong năm	2.099.264.908	7.886.872.588
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.186.551.504	5.118.797.232
Phân bổ trong năm	(11.421.525.799)	(11.503.102.193)
Số dư cuối năm	10.152.079.973	18.287.789.360

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2023

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	42.761.030.634	2.265.440.000	453.522.969	46.081.175.822
Tăng trong năm	-	1.323.886.190	-	51.805.440	1.375.691.630
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	390.660.160	390.660.160
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	25.517.197.597	1.985.556.935	140.855.117	28.244.791.868
Phân bổ trong năm	-	5.365.539.264	279.883.065	152.288.350	5.797.710.679
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	17.243.833.037	279.883.065	312.667.852	17.836.383.954
Số dư cuối năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 18.597.988.925 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 16.813.082.725 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	2024 Phần mềm máy vi tính VND	2023 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	26.091.616.400	25.271.616.400
Tăng trong năm	4.844.000.000	340.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.944.100.000	480.000.000
Số dư cuối năm	36.879.716.400	26.091.616.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	16.151.326.956	13.087.003.384
Khấu hao trong năm	3.955.776.709	3.064.323.572
Số dư cuối năm	20.107.103.665	16.151.326.956
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	9.940.289.444	12.184.613.016
Số dư cuối năm	16.772.612.735	9.940.289.444

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 8.596.466.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 8.596.466.400 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

15. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	5.470.397.057	5.637.869.733

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	10.505.921.972	6.600.398.133
Chi phí trích trước	20%	420.177.060	426.212.472
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	93.659.342	37.853.642
		11.019.758.374	7.064.464.247
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(1.878.427.774)	(473.339.036)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		9.141.330.600	6.591.125.211

17. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	16.964.116.068	14.464.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	1.672.969.148	1.884.661.158
Tiền lãi nhận được trong năm	827.030.852	615.338.842
Số dư cuối năm	19.464.116.068	16.964.116.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.079.572.716	10.059.454.943

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.059.454.943	10.039.238.233
Thu nhập lãi	20.117.773	20.216.710
Số dư cuối năm	10.079.572.716	10.059.454.943



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024 VND
Khoản vay ngắn hạn từ						
▪ Ngân hàng trong nước	VND	377.000.000.000	3.909.323.000.000	(3.842.323.000.000)	-	444.000.000.000
▪ Ngân hàng nước ngoài	USD	1.613.040.000.000	3.981.124.000.000	(4.599.034.000.000)	(5.742.000.000)	989.388.000.000
		1.990.040.000.000	7.890.447.000.000	(8.441.357.000.000)	(5.742.000.000)	1.433.388.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là 53.541.688.277 VND (31/12/2023: 105.450.372.851 VND) (Thuyết minh 5) và 566.000.000.000 VND (31/12/2023: 564.213.238.356 VND) (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,0% đến 6,7% (31/12/2023: 3,0% đến 7,7%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	302.444.042.910	294.490.534.600
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	96.446.838.530	78.743.108.360
Chứng quyền có đảm bảo phải trả	-	6.479.570.000
Phải trả khác	875.000.000	9.408.104.000
	399.765.881.440	389.121.316.960

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2024	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm	
				Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.876.238.675	2.783.054.935	(8.719.340.658)	2.060.047.048	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.122.225.824	96.152.852.799	(95.898.783.462)	-	7.376.295.161
Thuế giá trị gia tăng	15.828.533	118.234.429	(133.717.487)	-	345.475
Thuế nhà thầu nước ngoài	968.005.930	11.925.617.606	(12.113.724.738)	-	779.898.798
	11.982.298.962	110.979.759.769	(116.865.566.345)	2.060.047.048	8.156.539.434

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2023	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.875.701.514	14.535.289.259	(14.534.752.098)	-	3.876.238.675
Thuế thu nhập cá nhân	10.232.466.822	97.203.493.389	(100.313.734.387)	-	7.122.225.824
Thuế giá trị gia tăng	20.445.759	112.809.097	(117.426.323)	-	15.828.533
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.126.398.046	12.485.057.726	(12.643.449.842)	-	968.005.930
	15.255.012.141	124.007.245.731	(127.279.958.910)	-	11,982,298,962

22. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí cho nhân viên	8.929.587.973	11.185.869.371
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.670.256.292	3.240.189.252
Chi phí lãi	3.434.719.656	5.820.169.366
Phí tư vấn	124.877.920	92.803.065
Các chi phí khác	2.405.637.959	2.972.765.050
	17.565.079.800	23.311.796.104

23. Các khoản phải trả khác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cổ tức	2.095.392.513	1.823.928.393
Các khoản phải trả cho khách hàng	10.000.000	9.884.000.000
Các khoản phải trả khác	5.223.155	12.407.236
	2.110.615.668	11.720.335.629

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

(a) Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.329	2.000.097.005.000	150.009.329	1.500.097.005.000

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	150.009.819	1.500.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	50.000.000	500.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000

Danh sách các cổ đông góp vốn như sau:

Cổ đông	31/12/2024		31/12/2023	
	VND	%	VND	%
Phu Hung Far East Holding Corporation	920.046.000.000	46,00	690.046.000.000	46,00
New Beam International Inc	416.767.450.000	20,84	261.767.450.000	17,45
Cat Tinh Development Limited	99.581.770.000	4,98	2.581.770.000	0,17
Dong Bang Development Limited	90.904.860.000	4,55	72.904.860.000	4,86
Các cổ đông khác	472.798.110.000	23,63	472.798.110.000	31,52
	2.000.098.190.000	100	1.500.098.190.000	100

25. Cổ tức

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 45.002 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (2023: 30.002 triệu VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL

2024	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM					
HPG	1.126.100	29.052	32.715.830.000	30.307.174.067	2.408.655.933
VCG	151.167	19.724	2.981.616.050	3.277.649.569	(296.033.519)
RAL	16.800	138.348	2.324.240.000	2.022.620.800	301.619.200
SSI	60.000	35.986	2.159.150.000	2.178.850.000	(19.700.000)
GAS	41.000	75.971	3.114.800.000	3.168.780.000	(53.980.000)
SZC	65.000	41.901	2.723.575.000	2.204.289.860	519.285.140
BMP	17.000	104.027	1.768.460.000	1.480.974.836	287.485.164
PVD	53.000	30.504	1.616.700.000	1.571.736.904	44.963.096
Khác	884.563	41.017	36.282.373.860	35.531.367.541	751.006.319
	2.414.630	35.486	85.686.744.910	81.743.443.577	3.943.301.333
Chứng quyền					
CHPG2314	2.424.100	3.244	7.862.635.789	8.733.303.500	(870.667.711)
	4.838.730	19.333	93.549.380.699	90.476.747.077	3.072.633.622

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2023	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM					
STB	2.474.626	28.355	70.168.706.700	73.361.309.866	(3.192.603.166)
HPG	1.841.327	26.461	48.723.664.300	48.213.453.160	510.211.140
SAB	38.920	97.973	3.813.120.000	4.352.695.917	(539.575.917)
FPT	34.653	82.812	2.869.696.800	2.719.242.403	150.454.397
GAS	24.040	102.373	2.461.045.100	2.415.555.913	45.489.187
MBB	105.673	19.631	2.074.443.650	1.937.748.694	136.694.956
BVH	46.953	41.717	1.958.736.500	2.310.531.609	(351.795.109)
HCM	55.545	29.866	1.658.905.400	1.509.753.851	149.151.549
KDH	50.789	31.492	1.599.422.400	1.600.247.965	(825.565)
VCG	57.600	24.860	1.431.955.000	1.196.833.681	235.121.319
Khác	406.196	29.737	12.078.963.350	12.370.400.130	(291.436.780)
	5.136.322	28.978	148.838.659.200	151.987.773.189	(3.149.113.989)
Chứng quyền					
CHPG2303	1.781.200	2.524	4.495.860.000	4.867.811.000	(371.951.000)
CHPG2314	7.592.600	3.546	26.922.017.211	26.779.793.000	142.224.211
CSTB2311	6.466.600	2.158	13.954.862.000	9.334.663.500	4.620.198.500
	15.840.400	2.864	45.372.739.211	40.982.267.500	4.390.471.711
	20.976.722	9.258	194.211.398.411	192.970.040.689	1.241.357.722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	2024 VND	2023 VND
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	37.337.733.669	73.112.766.792

28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	268.041.189.527	302.772.368.474
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đổi với tiền thu từ bán chứng khoán	10.492.234.820	11.502.269.856
	278.533.424.347	314.274.638.330

29. Chi phí môi giới chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương cho nhân viên	51.897.823.423	51.644.510.393
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	51.719.158.421	54.464.670.720
Phí môi giới chứng khoán	30.886.469.119	30.942.476.059
Chi phí thuê	15.441.300.505	14.228.900.027
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.099.750.388	3.752.495.471
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	526.632.944	428.675.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.343.689.482	10.937.337.266
Chi phí khác	1.862.725.136	2.465.477.501
	166.777.549.418	168.864.542.818

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí lãi

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	127.618.442.639	148.176.944.209
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	1.187.610.102	948.813.246
	128.806.052.741	149.125.757.455

31. Chi phí quản lý

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương cho nhân viên	45.734.078.921	43.867.319.220
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	9.842.027.230	8.433.358.870
Chi phí thuê	7.587.180.882	7.524.266.211
Chi phí công cụ và dụng cụ	9.082.983.587	7.473.503.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.555.188.185	31.516.121.263
Chi phí khác	3.878.525.471	4.352.192.396
	106.679.984.276	103.166.761.773



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.780.505.495	14.468.237.096
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.440	67.052.163
	2.783.054.935	14.535.289.259
Lợi ích thuế hoãn lại		
(Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(2.550.205.389)	(2.886.841.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	232.849.546	11.648.447.958

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	340.912.582	56.199.240.960
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	68.182.516	11.239.848.192
Chi phí không được khấu trừ thuế	276.641.814	406.085.919
Thu nhập không bị tính thuế	(114.524.224)	(64.538.316)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.440	67.052.163
	232.849.546	11.648.447.958

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	108.063.036	44.550.793.002

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 VND	2023 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	150.009.819	150.009.819
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	4.508.197	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(490)	(490)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	154.517.526	150.009.329

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,7	297

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Cổ đông lớn		
Phu Hung Far East Holding Corporation		
Cổ tức bằng tiền đã trả	20.701.380.000	13.800.920.000
Góp vốn	230.000.000.000	-
New Beam International Inc		
Cổ tức bằng tiền đã trả	7.853.023.500	5.235.349.000
Góp vốn	155.000.000.000	-
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	86.697.379	85.755.017
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức bằng tiền đã trả	5.234.220.000	11.305.394.400
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	2.242.024.500	1.494.683.000
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	24.751.951	24.482.909
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	941.054.100	627.369.400
Phí bảo hiểm	85.972.476	84.466.880
Phí quản lý số cổ đông	27.272.725	27.272.727
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	10.445.625	10.329.580
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	387.145.800	258.097.200
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.274.089	4.227.632
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phí dịch vụ	1.228.290.323	3.581.516.129
Phí giao dịch	42.748.621	303.379
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.515.245	4.297.858
Phí quản lý số cổ đông	45.328.285	45.454.545

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Cổ đông lớn		
An Thịnh Development Limited		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
New Beam International Inc		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	7.538.903	10.178.971
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	70.446.185	52.336.500
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	908.563	822.961
Doanh thu chưa thực hiện	9.604.107	-
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	371.660	336.817
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	-	1.250
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	151.573
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.085.121.900	6.567.365
Doanh thu chưa thực hiện	11.742.422	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2024 VND	2023 VND
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.999.683.502	1.851.993.356
Người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.865.111.265	2.555.327.684
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	720.000.000	720.000.000
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	240.000.000	240.000.000

- (i) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (ii) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – Phó Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng là Trưởng Ban Kiểm Soát của Công ty.
- (iii) Freshfields Capital Corporation – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Freshfields Capital Corporation là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (iv) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (v) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Tổng Giám Đốc của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

2023		Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
1.	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	151.313.807.371	14.328.354.651	428.179.369.166	5.977.980.992	599.799.512.180
2.	Chi phí trực tiếp	02	168.435.867.437	12.901.825.970	328.718.872.358	7.544.995.590	517.601.561.355
3.	Chi phí khấu hao và phân bổ	03	428.675.381	-	8.433.358.870	-	8.862.034.251
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	145.893.176	-	-	145.893.176
5.	Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	16.830.664.047	-	16.830.664.047
6.	Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	468.124.194	468.124.194
7.	Chi phí khác	07	-	-	-	628.242.585	628.242.585
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)		08	(17.550.735.447)	1.280.635.505	74.196.473.891	(1.727.132.989)	56.199.240.960

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tài sản bộ phận
Nợ phải trả bộ phận

55.628.313.088	90.734.283.749	3.892.105.544.586	2.270.228.475	4.040.738.369.898
383.915.984.686	325.900.048	2.026.951.537.636	17.552.401.117	2.428.745.823.487

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (tức là một bộ phận đơn lẻ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***36. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Trong vòng một năm	22.938.870.704	26.763.954.317
Từ hai đến năm năm	17.344.063.347	38.159.173.523
	40.282.934.051	64.923.127.840

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

📍 Tầng 21, tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 Hoàng Văn Thái, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

☎ 1900 25 23 58

🌐 www.phs.vn

✉ support@phs.vn